

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

BÙI THỊ THỦY

**CHỨC NĂNG BẢO CHỮA CỦA LUẬT SƯ TRONG
GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ
THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Chuyên ngành : Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số : 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN VĂN ĐIỆP

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Bùi Thị Thủy

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỨC NĂNG BẢO CHỮA CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm và mục đích của giai đoạn điều tra vụ án hình sự.....	7
1.2. Chức năng bảo chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	11
1.3. Vị trí, chức năng của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	16
1.4. Ý nghĩa của việc có Luật sư tham gia trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự	22
Chương 2: THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH VÀ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG BẢO CHỮA CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	24
2.1. Thực trạng quy định về chức năng bảo chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	24
2.2. Thực trạng hoạt động bảo chữa của Luật sư trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội	31
2.3. Đánh giá thực trạng chức năng bảo chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội	35
2.4. Nhận xét thực trạng về chức năng bảo chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội	38
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM CHỨC NĂNG BẢO CHỮA CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ	47
3.1. Các yêu cầu bảo đảm chức năng bảo chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	47
3.2 Các giải pháp bảo đảm chức năng bảo chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	60
KẾT LUẬN.....	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	73

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bảo vệ quyền con người trong đó có quyền được tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa khi bị tình nghi phạm tội trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là quy định hết sức nhân văn của pháp luật tố tụng hình sự. Bởi vì đây là giai đoạn khởi đầu cho việc giải quyết một vụ án hình sự và quyết định số phận pháp lý của một con người.

Điều tra vụ án hình sự là một trong những giai đoạn cơ bản của quá trình tố tụng hình sự. Đó là hành trình đi tìm sự thật khách quan của vụ án. Thực tiễn đã chỉ ra rằng: *“Những kết quả khả quan cũng như những sai lầm tư pháp nghiêm trọng nhất bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội ... thường bắt nguồn từ giai đoạn điều tra. Giai đoạn điều tra nhận đảm đương công việc thực chất về điều tra sự thật phạm tội. Thành công hay thất bại của việc đấu tranh phòng, chống tội phạm ở một mức độ nào đó là do việc điều tra quyết định. Chỉ có Cơ quan điều tra mới có thể biết rõ tình hình vụ án, xác định có tội phạm hay không”*[32].

Luật sư là một nghề đặc biệt, được xã hội tôn vinh và ngày càng có vị trí quan trọng. Sứ mệnh cao cả của Luật sư trong tố tụng nói chung và tố tụng hình sự nói riêng đó chính là sự đấu tranh để bảo vệ công lý. Chức năng của Luật sư là bào chữa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho con người không may rơi vào vòng lao lý, trực tiếp góp phần bảo vệ công bằng, lẽ phải, pháp chế xã hội chủ nghĩa đồng thời thúc đẩy kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.

Nghiên cứu chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn này có ý nghĩa hết sức to lớn đối với việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quyền con người đặc biệt là quyền được tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Từng bước nâng cao tính nhân văn, nhân đạo của chế độ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi công cuộc cải cách tư pháp và hạn chế, triệt tiêu tình trạng xâm phạm quyền con người, quyền được tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm trong giải quyết vụ án nói chung và giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng.

Việc Luật sư tham gia bào chữa trong tố tụng đặc biệt là tham gia bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự không những bảo đảm tốt hơn quyền bào chữa của người bị buộc tội, quyền được bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự mà còn giúp các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện, làm rõ sự thật khách quan của vụ án, hạn chế oan sai góp phần giải quyết nhanh chóng, chính xác vụ án, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài: ***“Chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội”*** làm luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là đề tài mới và mang tính nhân văn sâu sắc. Vấn đề này từ lâu đã thu hút sự quan tâm, chú ý của nhiều nhà khoa học, những người làm công tác lý luận nghiên cứu và cán bộ hoạt động thực tiễn quan tâm, nghiên cứu dưới nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau. Trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu đề tài, tác giả có cơ hội được tiếp cận một số công trình nghiên cứu tiêu biểu có liên quan như:

- *Kỹ năng của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự* của TS. Nguyễn Văn Điệp (Sổ tay Luật sư của Học viện tư pháp, Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2004).
- *Vai trò của Luật sư trong tố tụng hình sự* của TS. Hoàng Sơn (Sổ tay Luật sư của Học viện tư pháp, Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2004).
- *Về chế định người bào chữa* của tác giả Đinh Văn Quế (Tạp chí Tòa án nhân dân số 3, năm 2004).
- *Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam* của các tác giả đồng chủ trì Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí, Trịnh Quốc Toàn (Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Đại học quốc gia Hà Nội, 2005).
- *Vai trò của Luật sư trong tố tụng hình sự* của TS. Nguyễn Văn Tuấn (Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2001).

- *Vấn đề hoàn thiện pháp luật về Luật sư ở Việt Nam* của TS. Phan Trung Hoài (Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, năm 2004).
- *Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội* của LS. Phạm Hồng Hải
- *Những bảo đảm hiệu quả của hoạt động bào chữa trong tố tụng hình sự* của TS. Hồ Sỹ Sơn.
- *Người bào chữa trong tố tụng hình sự* của tác giả Hoàng Thị Sơn.
- *Người bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự* của tác giả Nguyễn Thị Mai.
- *Vai trò của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự* của tác giả Nguyễn Đăng Khoa.
- *Vai trò của người bào chữa trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội* của tác giả Bùi Phương Lan.

Ngoài ra, còn nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả khác đã được đăng trong các tập san, tạp chí chuyên ngành như: Tạp chí nhà nước và pháp luật, Tạp chí tòa án nhân dân, Tạp chí dân chủ và pháp luật...

Những công trình nghiên cứu và các bài viết này dù ở các phạm vi nghiên cứu khác nhau nhưng đã thể hiện phần nào chức năng của Luật sư nói riêng, người bào chữa nói chung khi tham gia vào quá trình tố tụng hình sự. Các công trình nghiên cứu trên đã giúp tác giả nhìn nhận được tổng quát về chức năng của Luật sư trong các giai đoạn tố tụng hình sự đặc biệt là giai đoạn điều tra để từ đó kế thừa và tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, toàn diện hơn, đầy đủ hơn, hệ thống hơn về chức năng của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Tuy nhiên, đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Để khẳng định sự có mặt của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là vô cùng quan trọng, tác giả chọn đề tài: ***“Chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội”*** để nghiên cứu nhằm phản ánh những vấn đề còn bất cập, còn hạn chế cũng như nghiên cứu thực trạng, tìm ra nguyên nhân và đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Luật sư trong giai

đoạn điều tra vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng và trong hệ thống pháp luật tố tụng của Việt Nam nói chung.

3. Mục đích và nhiệm vụ của nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm sáng tỏ về mặt lý luận, phân tích các quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động bào chữa của Luật sư.

Đưa ra những hạn chế còn tồn tại trong quy định của pháp luật khi Luật sư tham gia bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Từ đó chỉ ra nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến thực trạng hạn chế sự tham gia bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Đồng thời đưa ra những đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật, các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được những mục đích nghiên cứu nêu trên đề tài đặt ra những nhiệm vụ sau:

- Làm rõ cơ sở pháp lý về chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Nêu rõ địa vị pháp lý của Luật sư là người bào chữa trong tố tụng hình sự, nghĩa vụ của Luật sư trong vụ án hình sự từ giai đoạn điều tra, ý nghĩa của Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn điều tra vụ án hình sự nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố, người bị bắt, bị giữ, bị tạm giữ, bị can, bị cáo và một số đương sự khác trong vụ án hình sự...

- Phân tích việc thực hiện các quyền của Luật sư theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Phân tích thực trạng hoạt động của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội.

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định trong pháp luật hình sự, tố tụng hình sự nhằm nâng cao hiệu quả chức năng của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là chức năng bảo chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Luật sư tham gia vào giai đoạn điều tra vụ án hình sự với nhiều tư cách khác nhau. Luật sư có thể là người bào chữa, có thể là người bảo vệ quyền lợi của đương sự, có thể là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền.... Trong khuôn khổ đề tài này, tác giả nghiên cứu tổng quát về chức năng bảo chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, nghiên cứu chuyên sâu về những vấn đề lý luận và thực tiễn về chức năng của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội từ năm 2009 đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu của luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về quyền con người; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối và quan điểm chỉ đạo của Đảng cộng sản Việt Nam về pháp luật, về bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực pháp luật hình sự.

Để hoàn thành đề tài này, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học như phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phương pháp điều tra xã hội học, phương pháp diễn dịch, phương pháp quy nạp, phương pháp logic.

Ngoài ra, luận văn tham khảo các tư liệu thực tiễn và sử dụng tính kế thừa các công trình, đề tài của các học giả trong lĩnh vực luật học, các nhà chuyên môn về pháp luật hình sự.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Trong công cuộc đổi mới đất nước và xây dựng một xã hội văn minh, dân chủ do Đảng ta lãnh đạo thì việc nghiên cứu luận văn với đề tài: ***“Chức năng bảo chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội”*** có ý nghĩa rất quan trọng và nhân văn. Cụ thể:

6.1. Ý nghĩa lý luận:

Góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự và tăng cường hiệu quả bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Kết quả nghiên cứu góp phần làm cơ sở và nâng cao hiệu quả hoạt động của Luật sư trong việc tham gia bào chữa từ giai đoạn điều tra vụ án hình sự; kết quả nghiên cứu có thể là tài liệu phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy trong các trường Đại học, Học viện.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn:

Tác giả mong muốn đề tài này được xây dựng từ những trở ngại trong thực tiễn sẽ ít nhiều được ứng dụng vào công tác nâng cao chức năng, vị trí, hoạt động của Luật sư trong pháp luật hình sự ở Việt Nam nói chung và trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ giúp các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các cá nhân hành nghề Luật sư khắc phục được những hạn chế, thiếu sót trong hoạt động xử lý vụ án hình sự từ giai đoạn điều tra, góp phần đảm bảo quyền con người, đảm bảo công bằng xã hội và đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm ba chương với kết cấu như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về Luật sư với việc bảo vệ quyền con người trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Chương 2: Thực trạng quy định và hoạt động của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật đảm bảo sự tham gia của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỨC NĂNG BẢO CHỮA CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm và mục đích của giai đoạn điều tra vụ án hình sự

1.1.1. Khái niệm điều tra vụ án hình sự

Ở Việt Nam, giai đoạn điều tra vụ án hình sự là giai đoạn thứ hai trong năm giai đoạn giải quyết vụ án hình sự. Đây cũng là giai đoạn quan trọng nhất được bắt đầu sau giai đoạn khởi tố vụ án hình sự và được kết thúc khi Cơ quan điều tra hoàn thành bản kết luận điều tra. Trong đó Cơ quan điều tra căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự và sự giám sát của Viện kiểm sát tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm thu thập và củng cố các chứng cứ, nghiên cứu các tình tiết của vụ án hình sự, phát hiện nhanh chóng, đầy đủ và chính xác hành vi của người bị buộc tội cũng như người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời bảo đảm cho việc bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần do tội phạm gây nên và trên cơ sở đó Cơ quan điều tra ra bản kết luận điều tra khi kết thúc điều tra. Việc điều tra kết thúc khi Cơ quan điều tra ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra.

Điều tra là hoạt động có mục đích khám phá sự thật khách quan phục vụ nhu cầu của con người. Trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm, điều tra là hoạt động khám phá, phát hiện tội phạm. Từ điển Luật học giải thích rằng, “*Điều tra là công tác trong tố tụng hình sự được tiến hành nhằm xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ*” [35].

“Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam” của Đại học quốc gia Hà Nội, nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2001 định nghĩa: “*Điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn của tố tụng hình sự; trong đó Cơ quan điều tra và cơ quan khác được giao một số hoạt động điều tra được sử dụng một số biện pháp do Luật tố tụng hình sự quy định, để thu thập chứng cứ, chứng minh tội phạm, người phạm tội và những vấn đề khác có liên quan đến vụ án làm cơ sở cho việc xét xử của Tòa án. Đồng thời thông qua hoạt động điều tra, xác định nguyên nhân, điều kiện phạm tội*”

đối với từng vụ án cụ thể và kiến nghị các biện pháp phòng ngừa đối với các cơ quan và tổ chức hữu quan” [38].

Với tính chất là một giai đoạn độc lập của tố tụng hình sự, giai đoạn điều tra vụ án hình sự có chức năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để chứng minh việc thực hiện tội phạm và người phạm tội, xác định rõ những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đồng thời kiến nghị các cơ quan và tổ chức hữu quan áp dụng đầy đủ các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tội phạm.

Thời điểm của giai đoạn điều tra được bắt đầu từ khi cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và kết thúc bằng bản kết luận điều tra. Việc điều tra kết thúc khi Cơ quan điều tra ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra. Điều 232 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định: *“Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra bản kết luận điều tra, Cơ quan điều tra phải giao bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc bản kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp; giao bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra cho bị can hoặc người đại diện của bị can; gửi bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra cho người bào chữa; thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ”*. Như vậy, đối tượng được tổng đạt bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra mà pháp luật quy định đã tăng lên. Quy định này góp phần giúp cho người bị buộc tội sớm nhận thức và biết rằng mình bị truy tố về tội gì hoặc được đình chỉ điều tra nếu có lý do và căn cứ đình chỉ điều tra quy định tại khoản 2 Điều 155 và Điều 157 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 của Bộ luật hình sự 2015 hoặc đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm.

1.1.2. Đặc điểm của điều tra vụ án hình sự

Điều tra vụ án hình sự có nhiệm vụ thu thập chứng cứ để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc truy tố và xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi có tin tố giác hoặc tin báo về tội phạm thì Cơ quan điều tra tiến hành xác minh sơ bộ xem có dấu hiệu tội phạm không. Nếu có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội, Cơ quan điều tra có nhiệm vụ thu thập các chứng cứ để xác định có hay không có sự việc phạm tội xảy ra.

Trên thực tế, đa số các vụ án sau khi xảy ra thì cơ quan tiến hành tố tụng chưa xác định được ai là người thực hiện tội phạm trừ những trường hợp phạm tội quả tang nên nhiệm vụ của Cơ quan điều tra là phải truy tìm người thực hiện tội phạm. Đồng thời, Cơ quan điều tra phải có nhiệm vụ thu thập chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội đã xảy ra có thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự hay không để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án một cách nhanh chóng, chính xác.

Phát hiện những nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm để từ đó đưa ra các biện pháp phòng ngừa thích hợp.

Những nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm trong các trường hợp cụ thể thì phải được xác định, làm rõ trong quá trình điều tra. Khi tiến hành điều tra cần phải thu thập đầy đủ những chứng cứ để chứng minh tội phạm và những nguyên nhân khách quan, chủ quan, điều kiện phạm tội để từ đó kiến nghị, yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, biện pháp phòng ngừa thích hợp.

Xác định được tính chất, mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra tạo cơ sở cho Tòa án xét xử và quyết định mức bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả.

Cơ quan điều tra sau khi xác định được tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra thì có quyền kiến nghị, yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khắc phục các thiếu sót trong quá trình quản lý con người, quản lý tài sản. Các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành, thực hiện và phải báo cáo kết quả cho Cơ quan điều tra.

1.1.3.Mục đích của điều tra vụ án hình sự

Điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn độc lập của tố tụng hình sự, mục đích của điều tra vụ án hình sự là thực hiện các nhiệm vụ cụ thể nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để chứng minh việc thực hiện tội phạm và người phạm tội, xác định rõ những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đồng thời kiến nghị các cơ quan và các tổ chức hữu quan áp dụng đầy đủ các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tội phạm.

Điều tra vụ án hình sự có chức năng quan trọng trong hoạt động tư pháp hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng đối với mỗi hành vi phạm tội nhằm trực tiếp chứng minh hành vi phạm tội và người có lỗi trong việc thực hiện hành vi phạm tội thông qua các chứng cứ và tài liệu đã thu thập được. Đồng thời cũng là một trong những phương tiện cơ bản để thực hiện tốt nguyên tắc tránh bỏ lọt tội phạm, tránh xử oan người vô tội.

Điều tra vụ án hình sự góp phần loại trừ một thái cực khác trong hoạt động tư pháp hình sự, ngăn chặn kịp thời việc thông qua các quyết định tố tụng một cách không thận trọng, thiếu chính xác. Bởi vì nếu hoạt động điều tra vụ án không chính xác, không đầy đủ, không có căn cứ thì có thể sẽ kéo theo một loạt hậu quả tiêu cực xảy ra trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự ở những giai đoạn tố tụng hình sự tiếp theo như truy tố của Viện kiểm sát hoặc xét xử của Tòa án không khách quan, không minh bạch, không có căn cứ và trái pháp luật, làm oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm...

Điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn của tố tụng hình sự cơ bản và quan trọng để tăng cường pháp chế, bảo vệ các quyền và tự do của công dân trong các giai đoạn trước khi truy tố của Viện kiểm sát và xét xử của Tòa án. Điều tra vụ án hình sự song hành cùng với các giai đoạn tố tụng hình sự khác góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng và chống tội phạm trong toàn xã hội.

1.2. Chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

1.2.1. Khái niệm Luật sư

Luật sư là tên gọi nghề nghiệp của người hành nghề liên quan đến lĩnh vực pháp lý khi có đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật. Thực chất, Luật sư là người thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức (gọi chung là khách hàng). Luật sư vừa là người biện hộ vừa là người cố vấn và là nhân vật trung tâm về hoạt động bào chữa.

Luật sư là một khái niệm chỉ nghề nghiệp của những người hành nghề bằng kiến thức pháp luật. Người muốn hành nghề Luật sư phải được công nhận là Luật sư. Luật sư là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật của mỗi quốc gia, thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Luật sư là những người hành nghề trong Văn phòng Luật sư hoặc Công ty luật. Thu nhập của Luật sư là từ các khoản thù lao do khách hàng trả. Nghề Luật sư là nghề luật tiêu biểu nhất, nghề Luật sư thể hiện đầy đủ nhất những đặc trưng của nghề luật. Nghề Luật sư không giống như những nghề bình thường khác vì ngoài những yêu cầu về kiến thức và trình độ chuyên môn thì yêu cầu về việc hành nghề Luật sư còn phải tuân thủ theo quy chế đạo đức nghề nghiệp. Đây là một nét đặc thù riêng của nghề Luật sư và nét đặc thù này tác động sâu sắc đến kỹ năng hành nghề, đặc biệt là kỹ năng tranh tụng của Luật sư.

Luật sư có thể trở thành Người bào chữa nhưng Người bào chữa không bắt buộc phải là Luật sư. Theo quy định của pháp luật thì Luật sư chỉ trở thành người bào chữa khi họ tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội. Tùy theo từng giai đoạn tố tụng, Luật sư được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án tiếp nhận việc đăng ký bào chữa cho người bị buộc tội thì quan hệ tố tụng giữa Luật sư và các cơ quan này mới tiến hành bắt đầu phát sinh.

Pháp lệnh Tổ chức Luật sư năm 1987 không đưa ra một định nghĩa về Luật sư, mà chỉ quy định muốn làm Luật sư thì phải đáp ứng đủ điều kiện và gia nhập Đoàn Luật sư. Việc gia nhập Đoàn Luật sư phải được Hội nghị toàn thể Đoàn Luật sư thông qua theo đề nghị của Ban chủ nhiệm. Người mới gia nhập Đoàn Luật sư

phải qua một thời gian tập sự từ 6 tháng đến 2 năm và một kỳ kiểm tra do Đoàn Luật sư tổ chức, mới được công nhận là Luật sư. Luật sư tập sự được bào chữa và làm các việc giúp đỡ pháp lý khác như Luật sư - Điều 12, Pháp lệnh Tổ chức Luật sư năm 1987.

Người được công nhận là Luật sư được cấp thẻ Luật sư. Thẻ Luật sư do Ban chủ nhiệm cấp cho các Luật sư (điểm 4 Mục II Thông tư 313-TT/LS ngày 15/4/1989 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quy chế Đoàn Luật sư). Chỉ được sử dụng thẻ Luật sư trong khi thực hiện các nhiệm vụ do Ban chủ nhiệm phân công và trong sinh hoạt của Đoàn, không được sử dụng vào việc khác. Thẻ Luật sư do Bộ Tư pháp thống nhất phát hành và quản lý việc sử dụng.

Như vậy, theo quy định của Pháp lệnh Tổ chức Luật sư thì một người muốn được công nhận là Luật sư phải gia nhập Đoàn Luật sư. Thẩm quyền công nhận Luật sư hay thẩm quyền chấp nhận gia nhập Đoàn Luật sư thuộc Hội nghị toàn thể Đoàn Luật sư. Thẻ Luật sư là giấy tờ chứng minh một người là Luật sư và được sử dụng trong hành nghề và trong sinh hoạt của Đoàn Luật sư.

Đến Pháp lệnh Luật sư năm 2001, khái niệm Luật sư mới được đặt ra. Điều 1 Pháp lệnh Luật sư năm 2001 quy định: *“Luật sư là người có đủ điều kiện hành nghề Luật sư”*. Điều 7, Pháp lệnh Luật sư 2001: *“Người muốn hành nghề Luật sư phải gia nhập Đoàn Luật sư và có Chứng chỉ hành nghề Luật sư”* mà không quy định về tiêu chuẩn Luật sư, thủ tục và thẩm quyền công nhận Luật sư. Người được gia nhập Đoàn Luật sư, để trở thành Luật sư phải qua tập sự và kỳ kiểm tra hết tập sự nếu đạt yêu cầu thì được Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư đề nghị Bộ Tư pháp cấp Chứng chỉ hành nghề Luật sư - Điều 13, Pháp lệnh Luật sư. Kỳ kiểm tra hết tập sự do Bộ Tư pháp tổ chức.

Khoản 4, Điều 13, Pháp lệnh Luật sư năm 2001 quy định: *“Người được cấp chứng chỉ hành nghề Luật sư được hành nghề với đầy đủ các quyền nghĩa vụ của Luật sư”*, trong đó có quyền hành nghề Luật sư. Điều 15 của Pháp lệnh Luật sư 2001 thì Luật sư có quyền:

- *Lựa chọn lĩnh vực hành nghề theo quy định của Pháp lệnh này;*
- *Thành lập Văn phòng Luật sư hoặc Công ty Luật hợp danh;*

- *Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng và Pháp lệnh này;*
- *Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.*

Theo quy định của Điều 20, Pháp lệnh Luật sư 2001, trong hồ sơ đăng ký thành lập Văn phòng Luật sư hoặc Công ty luật hợp danh chỉ cần bản sao Chứng chỉ hành nghề Luật sư mà không yêu cầu Thẻ Luật sư. Từ đó có thể hiểu, một người trở thành Luật sư từ thời điểm được Bộ Tư pháp cấp Chứng chỉ hành nghề Luật sư hay nói một cách khác, Luật sư là người có Chứng chỉ hành nghề do Bộ Tư pháp cấp. Tóm lại, theo quy định của Pháp lệnh Luật sư năm 2001 thì Luật sư là người có đủ tiêu chuẩn Luật sư và được Bộ Tư pháp cấp Chứng chỉ hành nghề Luật sư. Chứng chỉ hành nghề Luật sư là giấy tờ chứng minh một người là Luật sư và Luật sư sử dụng khi hành nghề. Thành viên Đoàn Luật sư là các Luật sư được Ban chủ nhiệm cấp Thẻ Luật sư.

Từ điển luật học, Nhà xuất bản, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999 giải thích: *“Luật sư là người làm nghề giúp đỡ về mặt pháp lý cho cá nhân hoặc cho tổ chức theo hợp đồng hoặc theo chỉ định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong một số trường hợp, Luật sư tham gia tố tụng để bào chữa cho bị can, để bên vực cho bị cáo, các đương sự, thay mặt cho người bị hại trước các Tòa án và có thể làm một số dịch vụ pháp lý khác theo quy định của pháp luật Việt Nam”*.

Điều 2, Luật Luật sư 2006 và sửa đổi, bổ sung năm 2012 thì: *“ Luật sư là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo quy định của Luật này, thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là khách hàng)”*.

Tiêu chuẩn Luật sư là một điểm mới của Luật Luật sư. Điều 10 Luật Luật sư quy định về tiêu chuẩn Luật sư như sau: *“Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề Luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề Luật sư, có sức khỏe bảo đảm hành nghề Luật sư thì có thể trở thành Luật sư”*.

Về điều kiện hành nghề Luật sư, nếu như Điều 7, Pháp lệnh Luật sư năm 2001 quy định: *“Người muốn hành nghề Luật sư phải gia nhập một Đoàn Luật sư và có Chứng chỉ hành nghề Luật sư”* thì nay Điều 11, Luật Luật sư quy định một

chu trình ngược lại là: “Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật này muốn được hành nghề Luật sư phải có Chứng chỉ hành nghề Luật sư và gia nhập một Đoàn Luật sư”.

Điều kiện để một người trở thành Luật sư phải thỏa mãn hai điều kiện được quy định trong Luật Luật sư. Người nào không đủ điều kiện hành nghề Luật sư mà tham gia vào các quan hệ xã hội với chức danh Luật sư dưới bất kỳ hình thức nào thì coi là hành nghề Luật sư bất hợp pháp và sẽ bị xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Chúng ta nên hiểu Luật sư là danh từ chỉ người được công nhận là Luật sư khi có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và hành nghề Luật sư là việc Luật sư được làm những việc theo chuyên môn, nghề nghiệp của mình đã được pháp luật quy định. Nói đến Luật sư là nói đến cái cụ thể, đến con người cụ thể, đến chức danh cụ thể. Tuy nhiên, tùy thuộc vào pháp luật và tính truyền thống của từng nước mà khái niệm, tiêu chuẩn Luật sư và điều kiện, phạm vi hành nghề Luật sư, cũng như thủ tục, thẩm quyền công nhận Luật sư được quy định khác nhau.

Từ những phân tích nêu trên, ta có thể đưa ra khái niệm về Luật sư như sau: “Luật sư là một chức danh tư pháp độc lập, chỉ những người có đủ điều kiện hành nghề chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện việc tư vấn pháp luật, đại diện theo ủy quyền, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cá nhân, tổ chức và nhà nước trước cơ quan tiến hành tố tụng và thực hiện các dịch vụ pháp lý khác”.

1.2.2. Luật sư là người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự tham gia giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Luật sư là người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự tham gia giai đoạn điều tra vụ án hình sự là một trong bốn loại người bào chữa được quy định tại Khoản 1, Điều 72, Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Luật sư tham gia giai đoạn điều tra vụ án hình sự với tư cách là người bào chữa với mục đích tìm kiếm chứng cứ, giám sát hoạt động điều tra, làm sáng tỏ những tình tiết liên quan đến sự thật của vụ án nhằm chứng minh sự vô tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội về mặt pháp lý cần thiết.

Luật sư là Người bào chữa có các đặc trưng:

- + Là người có đủ điều kiện tham gia tố tụng do luật định: Là Luật sư, tham gia tố tụng theo đề nghị của người bị buộc tội hoặc đại diện của người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa;
- + Là người có trình độ văn hóa, có kiến thức và am hiểu pháp luật;
- + Là người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực bào chữa;
- + Là người được đào tạo về kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, đạo đức, kỹ năng hành nghề;

Hoạt động nghề nghiệp của Luật sư bao gồm ba tính chất: tính chất trợ giúp, tính chất hướng dẫn và tính chất phản biện.

Tính chất trợ giúp: Do sự phát triển không đồng đều cả về đời sống vật chất lẫn tinh thần, bất kỳ xã hội nào trong cộng đồng dân cư cũng tồn tại những người rơi vào vị thế thấp kém so với mặt bằng xã hội như người nghèo, người già đơn côi, người chưa thành niên mà không có sự đùm bọc của gia đình. Những người ở vào vị thế thấp kém này thường bị ức hiếp, bị đối xử bất công trái pháp luật và rất cần sự giúp đỡ, bên vực của những người khác, đặc biệt cần sự trợ giúp hoàn toàn vô tư, không vụ lợi của Luật sư. Hoạt động trợ giúp của Luật sư đối với những đối tượng này không chỉ là bổn phận mà còn là thước đo lòng nhân ái và đạo đức của Luật sư.

Tính chất hướng dẫn: Tính chất nghề nghiệp đòi hỏi Luật sư không chỉ thông hiểu pháp luật hiện hành mà còn hiểu biết cả tinh thần, nội dung những quy định của pháp luật ở từng thời điểm của thời gian đã qua. Luật sư còn phải hiểu sâu rộng cả tục lệ và bản sắc văn hoá của dân tộc. Yêu cầu của hoạt động này là hướng dẫn cho đương sự hiểu đúng tinh thần và nội dung của pháp luật để biết cách xử sự tháo gỡ vướng mắc của họ phù hợp với pháp luật và đạo lý.

Tính chất phản biện: Tính chất phản biện trong hoạt động của Luật sư là những biện luận nhằm phản bác lại lý lẽ, ý kiến quan điểm của người khác mà mình cho là không phù hợp với pháp luật và đạo lý. Tính chất phản biện trong hoạt động của Luật sư, thông thường thể hiện ở lĩnh vực tố tụng, đặc biệt là trong tố tụng hình sự. Điều 73, khoản 2 Bộ Luật tố tụng hình sự hiện hành quy định Người bào chữa

có nghĩa vụ: “*Sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị buộc tội vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo*” giúp người bị buộc tội về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Phản biện là phải dựa trên sự thông hiểu tường tận về pháp luật và đạo lý. Hoạt động phản biện của Luật sư là lấy pháp luật và đạo đức xã hội làm chuẩn mực để xem xét mọi khía cạnh của sự việc nhằm xác định rõ phải trái, đúng sai...từ đó đề xuất những biện pháp phù hợp bảo vệ lẽ phải, loại bỏ cái sai, bảo vệ công lý.

Luật sư là người bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự có nghĩa vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người bị buộc tội với việc bảo vệ chân lý, tôn trọng sự thật khách quan của vụ án và tuân thủ pháp luật .

1.3. Vị trí, chức năng của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

1.3.1. Vị trí của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Trong tố tụng hình sự, Luật sư tham gia vào nhiều giai đoạn của vụ án với tư cách là người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội. Quy định của pháp luật về tư cách người bào chữa với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là khác nhau. Mặc dù vậy, Luật sư tham gia tố tụng với tư cách nào, ở giai đoạn tố tụng nào đều có ý nghĩa to lớn trong việc bảo vệ công lý, bảo đảm cho các hoạt động tố tụng được tiến hành khách quan, đúng pháp luật.

Ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự, giai đoạn có tính quyết định của quá trình tiến hành tố tụng, vì người bị buộc tội chỉ là đối tượng bị “tình nghi phạm tội”, nếu thiếu thận trọng thì khoảng cách giữa không phạm tội và phạm tội hoặc giữa lỗi và tội dễ bị xóa nhòa.

Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn điều tra là:

+ Cán bộ điều tra là người nắm quyền chủ động, dễ coi thường người bị tình nghi phạm tội, thường không khách quan, toàn diện, phần lớn thiên về hướng “quy tội”;

+ Người bị “tình nghi phạm tội” là người yếu thế, bị động, thường có tâm lý hoang mang, dao động, không ổn định trong lời khai (để có lời khai khác nhau);

Luật sư đóng vai trò “bác sĩ pháp lý” cho người bị buộc tội, người được tiếp cận người bị buộc tội với tư cách người bào chữa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ, có trách nhiệm giải thích cho người bị buộc tội về những quyền được pháp luật bảo đảm, chuẩn bị tâm lý để từ đó giúp người bị “tình nghi phạm tội” bình tĩnh, sáng suốt trong quá trình khai báo, trung thực, khách quan, toàn diện, đúng quy định của pháp luật và xem xét toàn bộ nội dung điều tra để minh oan cho người bị “tình nghi phạm tội”[11].

Khoản 1 Điều 73 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã mở rộng quyền của người bào chữa trong việc tham gia tố tụng như:

- a) *Gặp, hỏi người bị buộc tội;*
- b) *Có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu người có thẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cung đồng ý thì được hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can;*
- c) *Có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này;*
- d) *Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này;*
- đ) *Xem biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình, quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa;*
- e) *Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế;*
- g) *Đề nghị tiến hành hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này; đề nghị triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;*
- h) *Thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;*

- i) Kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;*
- k) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại, định giá lại tài sản;*
- l) Đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa từ khi kết thúc điều tra;*
- m) Tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa;*
- n) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;*
- o) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất theo quy định của Bộ luật này.*

Luật sư tiến hành gặp gỡ, hỏi han, có mặt, tham gia lấy lời khai của người bị buộc tội. Công việc này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo đảm tính khách quan của việc điều tra, hạn chế được các vi phạm pháp luật có thể xảy ra như: ép cung, mớm cung, bức cung, làm sai lệch hồ sơ vụ án... Ngoài ra, việc Luật sư bào chữa tham gia vào các hoạt động điều tra khác như hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói... cũng là những hoạt động cần thiết và có ý nghĩa; thông qua các hoạt động này, Luật sư có thể phát hiện được những tình tiết mới của vụ án hoặc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội, các tình tiết có ý nghĩa minh oan cho người bị buộc tội trong trường hợp người bị buộc tội vô tội, làm hạn chế tình trạng oan sai ngay từ giai đoạn điều tra trong tố tụng hình sự.

Tuy nhiên, không phải lúc nào người bào chữa cũng được tạo điều kiện để thực hiện các quyền của mình. Đặc biệt trong quá trình điều tra vụ án hình sự thì việc người bào chữa được thực hiện các quyền của mình là rất khó khăn. Sự khó khăn mà Luật sư gặp phải phần lớn xuất phát từ suy nghĩ của một số Điều tra viên có quan điểm là nếu cho Luật sư tham gia tố tụng từ giai đoạn điều tra thì sẽ gây khó khăn cho hoạt động điều tra của họ. Thậm chí, có Điều tra viên còn cho rằng nếu Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn này thì Luật sư sẽ bày cách cho người bị buộc tội khai không đúng sự thật, giấu tội... Do đó, họ tìm cách gây khó dễ hoặc từ chối khéo sự tham gia của Luật sư trong giai đoạn này. Nếu Luật sư nào may mắn

được gặp thân chủ của mình trong giai đoạn điều tra thì cũng chịu sự giám sát chặt chẽ trực tiếp của Điều tra viên và giám thị trại giam. Thời gian cho một cuộc gặp gỡ của Luật sư được tiếp xúc với thân chủ trong giai đoạn này cũng bị khống chế rất ngắn. Nếu Luật sư được tham gia vào quá trình hỏi cung bị can thì chủ yếu Luật sư cũng chỉ ngồi nghe mà không được hỏi vì Luật sư được hỏi hay không cũng phải phụ thuộc vào ý chỉ chủ quan của Điều tra viên. Những hoạt động điều tra khác của Cơ quan điều tra như khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, khai quật tử thi... thì hầu như Luật sư không được tham gia mặc dù sự tham gia của Luật sư vào các hoạt động này là rất khách quan và có lợi trong việc bào chữa bảo vệ thân chủ vì Luật sư cũng là người có trình độ và khả năng phân tích, phán đoán các tình tiết để lại hiện trường rất tốt.

Trong tổ tụng hình sự và đặc biệt trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự vị trí của người bào chữa vô cùng quan trọng. Nó có tác dụng giúp người bị buộc tội về mặt pháp lý, kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra để giúp quá trình giải quyết vụ án được khách quan hơn.

1.3.2 Chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Khi tham gia tổ tụng hình sự nói chung và tham gia giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng, chức năng chủ yếu và thường xuyên nhất của Luật sư là nhằm bào chữa cho hành vi bị tình nghi là có lỗi của người bị buộc tội. Trên cơ sở giám sát và phản biện của Luật sư thì Cơ quan điều tra đưa ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra. Ngoài vai trò phản biện hướng tới sự gỡ tội hoặc giảm tội cho người bị buộc tội trên cơ sở tuân thủ tính khách quan của vụ việc, Luật sư có thể tham gia bào chữa ngay từ giai đoạn điều tra vụ án hình sự nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác bị xâm hại là cá nhân hay tổ chức. Khi nghiên cứu chức năng bào chữa của Luật sư, tác giả muốn làm rõ thêm một vấn đề nhận thức về bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự – một vấn đề mà trong khoa học pháp lý hiện nay của Việt nam không phải đã có tiếng nói và quy định cụ thể. Đây chính là vấn đề cần được tính đến khi xem xét đánh giá vai trò, chức năng vào chữa của Luật sư trong tổ tụng

hình sự ở nước ta. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị *“Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới”* đã nêu rõ: *“Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác”*. Và đòi hỏi *“việc phán quyết của tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để đưa ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định”*. Những quan điểm chỉ đạo trên đây của Đảng đã được thể chế hóa trong các quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự, Luật Luật sư đã khẳng định chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Xét trên góc độ pháp lý và thực tiễn hoạt động của Cơ quan điều tra và Điều tra viên thì chúng ta thấy chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là chức năng quan trọng đầu tiên và cũng là sứ mệnh cao cả của Luật sư trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng. Đó chính là sự đấu tranh để bảo vệ công lý. Tại khoản 2 Điều 1 của Pháp lệnh Luật sư năm 2001 đã nêu rõ: *“Bằng hoạt động của mình Luật sư góp phần bảo vệ công lý, công bằng xã hội và pháp chế xã hội chủ nghĩa”*. Điều 3 của Luật Luật sư xác định chức năng xã hội của Luật sư là: *“Hoạt động nghề nghiệp của Luật sư nhằm góp phần bảo vệ công lý, các quyền tự do, dân chủ của công dân, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân.....”*. Như vậy, chức năng bào chữa của Luật sư đó là bằng trình độ năng lực, sự am hiểu về pháp luật của mình để đấu tranh nhằm bảo đảm tính khách quan, công minh trong quá trình điều tra vụ án đối với người bị buộc tội. Một trong những tính chất trong hoạt động nghề nghiệp của Luật sư đó là phản biện. Tính chất phản biện trong hoạt động của Luật sư là những biện luận nhằm phản bác lại lý lẽ, quan điểm của người khác mà theo Luật sư là không phù hợp với quy định của pháp luật cũng như trái với đạo lý. Để thực hiện được sứ mệnh cao cả đó của mình, đòi hỏi Luật sư phải nghiên cứu hồ sơ, tài liệu của vụ việc một cách kỹ càng, đi sâu nghiên cứu các tình tiết của vụ việc theo hướng tiếp cận đến cùng sự thật khách quan, thu thập tài liệu, chứng cứ một cách

khách quan trung thực làm sáng tỏ bản chất của vụ việc nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của người được Luật sư bào chữa. Luật sư phải thể hiện trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nghĩa vụ sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị buộc tội vô tội; tìm kiếm, phát hiện những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội, giúp người bị buộc tội về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội. Chức năng bào chữa của Luật sư trong quá trình tham gia tố tụng hình sự đòi hỏi phải dựa trên sự am hiểu một cách sâu sắc về các quy định của pháp luật và đối chiếu với hành vi của người bị buộc tội và đưa ra những đánh giá khách quan, xác định rõ đúng, sai trong hành vi của người bị buộc tội thông qua đó đề xuất những biện pháp và xử lý phù hợp với quy định của pháp luật, bảo vệ lẽ phải, loại bỏ những nhận định, đánh giá sai trái của Cơ quan điều tra. Ở khía cạnh khác, xét về mặt tâm lý, chúng ta thấy rằng rất nhiều người phạm tội lần đầu, những người bị hạn chế về thể chất và tinh thần khi phải đối mặt với uy lực của các cơ quan công quyền trong tố tụng – bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam – rất dễ bị rơi vào trạng thái khủng hoảng tinh thần, lo sợ dẫn đến trình bày sự việc thiếu chính xác, lẫn lộn gây bất lợi cho chính bản thân họ, cho nên sự tham gia quá trình tố tụng của Luật sư với ý thức trách nhiệm của công dân cũng như với lương tâm, đạo đức nghề nghiệp sẽ giúp tìm ra bản chất vụ việc cũng như những tình tiết khách quan để cơ quan chức năng xử lý đúng người đúng tội, tránh được tình trạng để lọt tội phạm, làm oan người vô tội.

Từ những phân tích trên đây, chúng ta có thể đưa ra khái niệm về chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự như sau: *“Chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là sự tham gia bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Đồng thời là sự phản biện của Luật sư với cơ quan điều tra để tìm ra những tình tiết gỡ tội cho bị can”*.

1.4. Ý nghĩa của việc có Luật sư tham gia trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự

Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự thì sự tham gia của Luật sư không chỉ mở rộng những nguyên tắc dân chủ trong tố tụng hình sự mà còn nâng cao chất lượng điều tra, tăng cường pháp chế trong giai đoạn điều tra, phát hiện kịp thời những sai phạm, thiếu sót không đáng có trong giai đoạn điều tra. Giai đoạn điều tra là giai đoạn quan trọng của quá trình tố tụng giải quyết một vụ án hình sự. Đó là giai đoạn xác định sự thật của vụ án, thu thập chứng cứ và tài liệu một cách khách quan để đảm bảo cho chân lý được thực thi. Luật sư tham gia vào giai đoạn điều tra phản ánh chuẩn mực giá trị xã hội, tôn trọng nhân phẩm, tôn trọng giá trị con người và nâng cao niềm tin vào những quyền cơ bản của con người trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Luật sư tham gia tố tụng từ giai đoạn điều tra trong vụ án hình sự là cơ chế nhằm bảo vệ tốt nhất quyền lợi cho người bị buộc tội. Kết quả của quá trình điều tra mang ý nghĩa quyết định đối với kết luận về hành vi phạm tội và người thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, người bị buộc tội có thể bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình hoặc do không am hiểu pháp luật hình sự nên có những hành vi, lời khai bất lợi cho mình.

Luật sư tham gia vào giai đoạn điều tra không chỉ có chức năng bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho thân chủ của mình mà còn góp phần để việc giải quyết vụ án được chính xác, nhanh chóng, khách quan, đúng quy định của pháp luật. Với chức năng của mình, Luật sư tham gia vào tiến trình dân chủ hóa các mặt của đời sống xã hội, đấu tranh chống lại sự xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức; truyền bá nhận thức về pháp chế, pháp quyền, về sự tôn trọng và chấp hành pháp luật cho nhân dân. Để thực hiện được chức năng đó, Luật sư phải có nhận thức ngang tầm với sự phát triển của xã hội, phải trở thành “vệ sĩ” bảo vệ chính nghĩa, công bằng và dân chủ trong trái tim công chúng[17].

Luật sư tham gia giai đoạn điều tra có chức năng quan trọng trong hoạt động tư pháp hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa Luật sư với cơ quan tố tụng và những người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể tư pháp hoạt động nhanh chóng, công khai và

chính xác. Đây chính là điều kiện đảm bảo thực hiện nguyên tắc minh bạch, đúng pháp luật và dân chủ trong tố tụng hình sự. Đồng thời, đảm bảo cho Luật sư tham gia tố tụng được thuận lợi, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đương sự, qua đó đảm bảo quyền được bào chữa của người bị buộc tội.

Kết luận chương 1

Luật sư bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là người tham gia tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật; là người được người bị buộc tội hoặc người đại diện của người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Luật sư bào chữa bằng kinh nghiệm nghề nghiệp cùng với sự am hiểu, tinh thông về pháp luật, bằng đạo đức nghề nghiệp và ý thức nâng cao sự tuân thủ pháp luật tham gia vào quá trình giải quyết vụ án hình sự từ giai đoạn điều tra để bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội cũng như góp phần vào việc xác định sự thật vụ án một cách đầy đủ, toàn diện, tránh hiện tượng oan sai ngay ở giai đoạn mà kết quả của nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới số phận pháp lý của người bị buộc tội.

Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn điều tra vụ án hình sự giúp thân chủ ổn định về mặt tâm lý, tác động tích cực đến ý thức tuân thủ pháp luật và tinh thần trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng. Để Luật sư tham gia bào chữa có hiệu quả khi tham gia tố tụng ở giai đoạn điều tra vụ án thì Luật sư là người có lương tâm, trách nhiệm của một công dân đang làm nhiệm vụ góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính khách quan, chính xác trong hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, trong hành vi của những người tiến hành tố tụng khi điều tra vụ án hình sự.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH VÀ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG BẢO CHỮA CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Thực trạng quy định về chức năng bảo chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Quyền của Luật sư tham gia bảo chữa từ giai đoạn điều tra vụ án hình sự bắt nguồn từ quyền bảo chữa của người bị buộc tội.

Đảm bảo quyền bảo chữa của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự có thể coi là một nguyên tắc xây dựng pháp luật của nhà nước. Nguyên tắc này được thể chế hóa trong các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013. Nguyên tắc này cũng được quy định cụ thể trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988. Điều 12 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 về bảo đảm quyền bảo chữa của bị can, bị cáo: *“Bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án có nhiệm vụ bảo đảm cho bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa của họ”*.

Điều 35 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 quy định rõ Người bào chữa có thể là: *“Luật sư; Người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo; Bào chữa viên nhân dân”*. Bộ luật tố tụng hình sự 1988 là Bộ luật tố tụng hình sự đầu tiên của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bộ luật được xây dựng trên cơ sở kế thừa những giá trị tốt đẹp và nhân văn của pháp luật tố tụng truyền thống dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về thể chế hóa đường lối đổi mới pháp luật.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 1988 thì Luật sư có các quyền sau đây:

- *Luật sư tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can:*

Việc cho Luật sư tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can là hoạt động cần thiết và quan trọng. Đây là bước tiến mới trong quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam. Trong giai đoạn điều tra ban đầu thường xảy ra một số hành vi tiêu cực động chạm đến quyền tự do cơ bản của công dân như bức cung, mớm cung, sai lệch hồ sơ vụ án, thiếu sót trong quá trình thu thập chứng cứ.... Luật sư được tham gia bào

chữa từ giai đoạn điều tra sẽ góp phần hạn chế và khắc phục những sai sót nếu có trong quá trình điều tra vụ án góp phần làm tăng chất lượng điều tra, xác minh vụ án.

Tuy nhiên, Bộ luật cũng quy định rõ: *“Trong trường hợp cần phải giữ bí mật điều tra đối với tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra”*.

- Người bào chữa có quyền có mặt khi hỏi cung bị can và nếu Điều tra viên đồng ý thì được hỏi bị can và có mặt trong những hoạt động điều tra khác.

Luật sư có mặt trong khi hỏi cung bị can có tác dụng hết sức tích cực. Khi bị can khai báo, trả lời hỏi cung của Điều tra viên nếu Luật sư phát hiện ra những tình tiết quan trọng, cần thiết để làm sáng tỏ và xác định sự thật của vụ án cũng như tình tiết cần thiết để bào chữa hoặc minh oan, giảm nhẹ tội cho thân chủ thì Luật sư có thể đề nghị Điều tra viên lưu ý tình tiết đó. Nếu được sự đồng ý của Điều tra viên thì Luật sư có thể được hỏi bị can thêm những tình tiết để đánh giá tính chất khách quan của vụ án. Việc Luật sư có mặt khi Điều tra viên lấy lời khai, hỏi cung bị can khiến cho bị can yên tâm và bình tĩnh hơn khi khai báo sự việc. Luật sư có mặt trong những hoạt động điều tra khác như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra, đối chất giữa các bị can, lấy lời khai của người làm chứng.... có ý nghĩa vô cùng quan trọng với việc xác định chính xác sự thật vụ án.

- Luật sư có quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch theo quy định của Bộ luật này

Khi có căn cứ thay đổi thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch theo quy định của Bộ luật thì Luật sư có quyền đề nghị thay đổi nhằm đảm bảo cho vụ án được giải quyết một cách nhanh chóng, khách quan, vô tư và hiệu quả.

- Luật sư có quyền đưa ra chứng cứ và những yêu cầu;

Khi Luật sư phát hiện ra những chứng cứ mới, quan trọng mà cơ quan tiến hành tố tụng chưa phát hiện ra hoặc phát hiện chưa đầy đủ thì Luật sư có quyền yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng xem xét những chứng cứ đó.

- Luật sư gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam

Luật sư gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam giải thích những vấn đề pháp luật liên quan mà bị can, bị cáo chưa biết hoặc chưa hiểu để bị can, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải để Luật sư có căn cứ bào chữa tốt nhất cho bị can, bị cáo trên cơ sở những quy định của pháp luật và sự thật khách quan của vụ án.

- Luật sư được đọc hồ sơ vụ án và ghi chép những điều cần thiết sau khi kết thúc điều tra

Luật sư được đọc hồ sơ vụ án và ghi chép những điều cần thiết để nắm được toàn bộ nội dung vụ án một cách đầy đủ và chi tiết. Từ cơ sở đó để nắm được bị can, bị cáo phạm tội gì, bị buộc tội theo điều khoản nào của Bộ luật hình sự từ đó tìm ra chứng cứ gỡ tội cho thân chủ.

- Luật sư được khiếu nại các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, kháng cáo bản án và quyết định của Tòa án nếu bị cáo là người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 37 Bộ luật này

Luật sư có quyền khiếu nại các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng nếu phát hiện ra sự vi phạm tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 đã góp phần quan trọng vào công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, phục vụ tích cực công cuộc đổi mới của đất nước. Việc quy định về chức năng và địa vị pháp lý, quyền, nghĩa vụ của Luật sư trong tố tụng hình sự nói chung, trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng là cơ sở pháp lý quan trọng để đảm bảo quyền tự do dân chủ của công dân, giám sát việc tuân thủ pháp luật, từ đó nâng cao trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, hạn chế oan sai.

Tuy nhiên, Bộ luật tố tụng hình sự 1988 đã quy định rõ ràng hơn các văn bản tố tụng trước đây nhưng do Bộ luật được nghiên cứu và xây dựng trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới nên trong quá trình thực thi đã thể hiện những hạn chế và bất cập.

Năm 2001 thì Pháp lệnh Luật sư ra đời quy định rõ về chức năng của Luật sư tại Điều 14: “*Luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho bị can, bị*

cáo hoặc là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự”.

Trong công cuộc cải cách tư pháp, để khắc phục những hạn chế bất cập của Bộ luật tố tụng hình sự 1988 thì Bộ luật tố tụng hình sự 2003 được ra đời.

Điều 58 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 quy định rõ về chức năng của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự:

- *Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trong trường hợp bắt người theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Bộ luật này thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ. Trong trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, thì Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra.*
- *Có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu Điều tra viên đồng ý thì được hỏi người bị tạm giữ, bị can và có mặt trong những hoạt động điều tra khác; xem các biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình và các quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa;*
- *Đề nghị Cơ quan điều tra báo trước về thời gian và địa điểm hỏi cung bị can để có mặt khi hỏi cung bị can;*
- *Đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch theo quy định của Bộ luật này;*
- *Thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người thân thích của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nếu không thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác;*
- *Đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu;*
- *Gặp người bị tạm giữ; gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam;*
- *Đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa sau khi kết thúc điều tra theo quy định của pháp luật;*
- *Tham gia hỏi, tranh luận tại phiên toà;*
- *Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;*

- *Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án nếu bị cáo là người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 của Bộ luật này”.*

Với các quyền bào chữa được quy định rõ ràng trong Bộ luật tố tụng 2003 đã chỉ rõ chức năng của Luật sư trong quá trình tham gia điều tra vụ án hình sự và các giai đoạn tố tụng khác góp phần bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân, nâng cao tinh thần trách nhiệm của người tiến hành tố tụng, góp phần loại trừ oan sai trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án hình sự. Bộ luật tố tụng hình sự 2003 đã cho phép Luật sư được tham gia tố tụng sớm hơn quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 1988. Bộ luật tố tụng hình sự 2003 cũng nhấn mạnh nhiều quyền mới của Luật sư tham gia bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Với các quy định đầy đủ như vậy thì Luật sư tham gia bào chữa cho thân chủ từ giai đoạn điều tra sẽ khẳng định được chức năng và thể hiện được vai trò của mình một cách cao nhất.

Điều 56 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 cũng quy định: “*Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của người bào chữa kèm theo giấy tờ liên quan đến việc bào chữa, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải xem xét, cấp giấy chứng nhận người bào chữa để họ thực hiện việc bào chữa. Nếu từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải nêu rõ lý do. Đối với trường hợp tạm giữ người thì trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người bào chữa kèm theo giấy tờ liên quan đến việc bào chữa, Cơ quan điều tra phải xem xét, cấp giấy chứng nhận người bào chữa để họ thực hiện việc bào chữa. Nếu từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải nêu rõ lý do”.*

Khi tham gia tố tụng thì Luật sư phải có giấy chứng nhận bào chữa do cơ quan tiến hành tố tụng cấp. Thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa được quy định rõ ràng và đầy đủ hơn.

Kế tiếp và phát triển hơn nữa chức năng của Luật sư tham gia bào chữa cho người bị buộc tội thì Luật Luật sư 2006 ra đời đã cụ thể hóa quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Luật sư khi tham gia tố tụng nhằm giải quyết những khó khăn vướng mắc cho Luật sư khi tham gia tố tụng nói chung và tham gia giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng.

Điều 22 Luật Luật sư 2006 quy định Luật sư được:

- “- Tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc là người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự.*
- Tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hoặc là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính, việc về yêu cầu dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và các vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.*
- Thực hiện tư vấn pháp luật.*
- Đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng để thực hiện các công việc có liên quan đến pháp luật.*
- Thực hiện dịch vụ pháp lý khác theo quy định của Luật này.”*

Điều 27 Luật Luật sư 2006 quy định:

- “- Luật sư được cơ quan tiến hành tố tụng cấp giấy chứng nhận người bào chữa, giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự hoặc giấy chứng nhận người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận tham gia tố tụng của Luật sư).*
- Thời hạn cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng của Luật sư không quá ba ngày, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”*

Như vậy, cả Bộ luật tố tụng hình sự 2003 và Luật Luật sư 2006 đều quy định thời điểm của Luật sư được tham gia tố tụng ngay từ giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Luật cũng quy định thời gian cụ thể để Luật sư được cơ quan tiến hành tố tụng cấp giấy chứng nhận bào chữa là không quá ba ngày. Những quy định mới, tiến bộ, cụ thể như vậy góp phần tạo điều kiện cho Luật sư phát huy được tối đa chức năng bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thân chủ.

Tuy nhiên, cả Bộ luật tố tụng hình sự 1988 và Bộ luật tố tụng hình sự 2003 đều có những quy định chưa rõ ràng và hạn chế rất nhiều quyền bào chữa của Luật

sự trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Vì vậy, sự ra đời của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã khắc phục được phần lớn những hạn chế và bất cập của những Bộ luật tố tụng hình sự cũ. Điều 74 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định: *“Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trường hợp bắt, tạm giữ người thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ. Trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia thì Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra”*. Đây là quy định mới cho phép người bào chữa được tham gia tố tụng sớm hơn, theo đó người bào chữa được tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ đồng thời cụ thể hóa Điều 31 Hiến pháp 2013 quy định người bị bắt có quyền tự bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa. Theo tác giả, việc cho người bào chữa tham gia tố tụng sớm như vậy là rất cần thiết nhằm đảm bảo quyền bào chữa và tự bào chữa của người bị bắt, bị tạm giữ. Bởi lẽ khi bị bắt, một con người bình thường khó có thể bình tĩnh, sáng suốt để làm việc với Cơ quan điều tra. Việc có Luật sư bên cạnh để trợ giúp pháp lý và bào chữa cho họ sẽ giúp họ bình tĩnh, khai báo chính xác, đúng sự thật giúp hoạt động điều tra đi đúng hướng, tránh được oan sai. Việc có mặt Luật sư còn giúp Điều tra viên, Cán bộ điều tra khỏi bị mang tiếng là mớm cung, mớm cung, dùng nhục hình đối với nghi can.

Bộ luật tố tụng hình sự 2015 cũng thay thế thủ tục xin cấp giấy chứng nhận bào chữa bằng thủ tục “đăng ký bào chữa”, theo đó: *“Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận đủ giấy tờ quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kiểm tra giấy tờ và thấy không thuộc trường hợp từ chối việc đăng ký bào chữa quy định tại khoản 5 Điều này thì vào sổ đăng ký bào chữa, gửi ngay văn bản thông báo người bào chữa cho người đăng ký bào chữa, cơ sở giam giữ và lưu giấy tờ liên quan đến việc đăng ký bào chữa vào hồ sơ vụ án; nếu xét thấy không đủ điều kiện thì từ chối việc đăng ký bào chữa và phải nêu rõ lý do bằng văn bản”*.

Văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tố tụng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, văn bản này sẽ hết hiệu lực trước khi kết thúc vụ án. Đó là: *“Người bị buộc tội từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa; Người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa”*.

Quy định này của Bộ luật tố tụng 2015 đã đơn giản hóa thủ tục, tạo một bước tiến đáng kể trong việc để Luật sư nhanh chóng được tiếp cận với người bị buộc tội và vụ án để đảm bảo tính kịp thời, hiệu quả, phù hợp với Khoản 2 Điều 9 của Luật Luật sư về việc nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở hoạt động hành nghề Luật sư.

Tuy là giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng hình sự nhưng ngay từ giai đoạn điều tra, Luật sư đã phải định hướng cho mình cách nghiên cứu hồ sơ, thu thập tài liệu, chứng cứ và định hướng cho việc bào chữa cho người bị buộc tội nhằm bảo vệ tối đa quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

2.2. Thực trạng thực hiện chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội

Theo kết quả nghiên cứu, từ năm 2004 đến giữa năm 2013 thì tổng số người có quyết định tạm giữ là 347.220 người nhưng đã có 10.702 người bị tạm giữ có người bào chữa chiếm 3,1% [23].

Tính từ năm 2004 đến năm 2013 có 55.738 vụ án bắt buộc phải có người bào chữa tham gia. Trong tổng số 55.738 vụ án bắt buộc phải có người bào chữa thì có 44.395 bị can có người bào chữa chiếm 83,2% và Luật sư tham gia bào chữa trong trường hợp này là 39.655 bị can chiếm 85,5%. Số bị can còn lại do bào chữa viên nhân dân hoặc người đại diện hợp pháp của bị can bào chữa [23].

Đối với những trường hợp do chính người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc người đại diện của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo lựa chọn thì có khoảng 9.864 người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đã mời người bào chữa và đã có 8.572 Luật sư tham gia với tư cách người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo [26].

Trên thực tế, Luật sư muốn được bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự thì Luật sư phải vượt qua rất nhiều thử thách và khó khăn. Khó khăn đầu

tiên phải kể đến đó là rào cản từ việc được cấp giấy chứng nhận bào chữa từ Cơ quan điều tra. Bởi lẽ, nếu không có giấy chứng nhận bào chữa thì Luật sư sẽ không gặp được người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, không được tham gia vào quá trình điều tra, lấy lời khai khi hỏi cung, không được tiến hành các hoạt động tố tụng khác để thực hiện chức năng bào chữa của mình. Theo thống kê của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội thì những vụ án có Luật sư tham gia bào chữa ngay từ giai đoạn điều tra là rất ít. Những trường hợp ít mà bị can được tại ngoại thì còn có thuận lợi hơn khi mời Luật sư bào chữa. Còn những trường hợp người tạm giữ, bị can đang bị tạm giam thì việc liên hệ mời Luật sư tham gia bào chữa là rất khó khăn. Khi các Luật sư tham gia bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can trong giai đoạn điều tra còn gặp trường hợp người bị tạm giữ, bị can từ chối Luật sư mà không thể nói thẳng lý do vì sao. Một Luật sư giấu tên đã gửi email đến 400 Luật sư khác để kêu gọi đồng loạt lên tiếng với Bộ trưởng Bộ công an: *“Không thể nào phủ nhận một tình trạng là từ xưa đến nay Cơ quan điều tra vẫn nhìn nhận Luật sư với con mắt thiếu thiện cảm, vẫn coi Luật sư như là người cản trở gây khó khăn cho hoạt động điều tra và hoàn thiện hồ sơ vụ án. Luật sư không được đánh giá như là người cùng góp phần làm sáng tỏ sự thật khách quan, là người bảo vệ pháp luật. Thực tế Cơ quan điều tra chỉ muốn toàn bộ hoạt động điều tra sẽ được khép kín cùng với người bị tạm giữ, bị can, và không bị giám sát bởi bên ngoài”*[60].

Theo nội dung của thông tư 70/2011/TT - BCA ngày 10/10/2011 (có hiệu lực từ ngày 25/12/2011) thì đối với trường hợp người bị tạm giữ, bị can bị tạm giam muốn nhờ Luật sư bào chữa thì phải viết giấy yêu cầu đích danh Luật sư hoặc viết giấy nhờ người thân liên hệ nhờ Luật sư bào chữa. Cơ quan điều tra có trách nhiệm gửi giấy đó tới Luật sư được yêu cầu đích danh hoặc gửi về cho người thân người bị tạm giữ, bị can. Thông tư 70 đã thêm một bước khó khăn nữa cho việc người bị tạm giữ, bị can, bị cáo muốn mời Luật sư bào chữa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình từ giai đoạn điều tra.

Hiệu quả mang lại từ Thông tư 70 và Quy chế phối hợp của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Liên đoàn Luật sư vẫn chưa cao, biểu hiện qua kết quả khảo sát trong giới Luật sư do hai Luật sư Phan Trung Hoài, Nguyễn Hưng Quang và các đồng nghiệp thực hiện (được giới thiệu ngày 9 - 7).

Đầu tiên là câu hỏi về mức độ tạo điều kiện của cơ quan tố tụng trước và sau khi có các quy định trên. Câu trả lời của giới Luật sư cho thấy có tới hơn 50% cho rằng người bị tạm giữ “không được tạo điều kiện thuận lợi” để nhờ người bào chữa. Tỷ lệ này giảm xuống 27,7% ở giai đoạn điều tra và còn 8,7% ở giai đoạn truy tố và trước khi xét xử. Ở đoạn cuối này, có tới 90% Luật sư cho rằng Viện kiểm sát đã “tạo điều kiện thuận lợi” hoặc “thuận lợi vừa phải” cho bị cáo thực hiện quyền mời Luật sư.

Kết quả trên cũng được thể hiện rõ hơn qua các buổi tọa đàm. Nhiều Luật sư cho biết hầu hết các trường hợp mời họ bảo vệ cho người bị tạm giữ là do thân nhân mời chứ họ không thể tiếp cận với người đang bị cách ly. Một số khác cho biết chưa bao giờ tham gia bào chữa cho người bị tạm giữ vì không được tạo điều kiện trên thực tế.

Thực tiễn tiếp cận quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can cũng được biểu hiện ở con số gần 1/2 số Luật sư cho rằng Cơ quan điều tra “thỉnh thoảng” mới giải thích cho đương sự về quyền bào chữa. Khoảng 1/3 số Luật sư cho rằng cơ quan tố tụng “hiếm khi” hướng dẫn người bị tạm giữ, bị can viết đề nghị nhờ người bào chữa. Hơn 1/2 số Luật sư cho biết cơ quan tố tụng “không bao giờ” cung cấp danh sách, thông tin Luật sư để đương sự liên lạc. Tuy nhiên, việc này được thực hiện tốt hơn nếu rơi vào các vụ án mà luật bắt buộc phải có người bào chữa.

Mời Luật sư bào chữa là quyền căn bản của người rơi vào vòng lao lý. Tuy nhiên, rất nhiều trường hợp cơ quan tố tụng thông báo ra ngoài là người bị tạm giữ, bị can từ chối thực hiện quyền này. Lý do cụ thể với mỗi trường hợp luôn là điều khó lý giải. Để làm rõ, nhóm khảo sát đã nêu ra các lý do giả thiết và nhận được phản hồi như sau: Gần 59% số Luật sư cho rằng Điều tra viên không giải thích cho đương sự quyền bào chữa mà tiến hành khám, xét hỏi ngay. Hơn 63% cho rằng Điều tra viên khuyên đương sự “không nên”, “không cần” mời Luật sư, 46% cho rằng đương sự có yêu cầu Điều tra viên trợ giúp tìm Luật sư nhưng bị từ chối công khai. Các lý do khác quan khác như không tìm được người bào chữa phù hợp, không có điều kiện tài chính chỉ chiếm khoảng 11%-27% câu trả lời.

Tọa đàm sâu với giới Luật sư làm rõ hơn tình trạng trên. Có Luật sư cho biết có trường hợp bị can bị dọa sẽ bị tăng hình phạt nếu mời người bào chữa. Tại Đà

Những, một Luật sư kể một lần được vào tiếp xúc bị can cùng với cán bộ điều tra, khi Luật sư hỏi bị can thì nhìn thấy cán bộ này dẫm chân bị can. Kể từ lúc đó, bị can... từ chối Luật sư luôn. Luật sư chất vấn, Điều tra viên bảo vô tình dẫm phải chứ không có ý gì khác (?!)[33]. Để tạo điều kiện cho Luật sư có mặt khi Cơ quan điều tra lấy lời khai thân chủ, Thông tư 70 quy định Điều tra viên phải thông báo thời gian, địa điểm hỏi cung cho Luật sư trước 24 giờ hoặc trước 48 giờ với người bào chữa ở xa. Thực tế, không ít Luật sư nói chỉ được thông báo khi đã kết thúc điều tra hoặc bị hẹn giờ không chính xác. Tọa đàm tại Đoàn Luật sư Hà Nội đầu tháng 6-2013, có Luật sư chia sẻ là chưa bao giờ nhận được thông báo, thậm chí không thể cập nhật được lịch xét hỏi. Cá biệt có trường hợp Điều tra viên “chơi khó” là bắt đầu hỏi cung bị can thì mới báo cho Luật sư tới tham dự, trong khi nơi lấy cung cách nơi làm việc của Luật sư... mấy chục cây số.

Chính vì vậy, có tới gần 49% số Luật sư nói rằng họ “thường xuyên” gặp khó khăn trong thủ tục xin gặp gỡ thân chủ đang bị tạm giam. Thậm chí, 1/3 số được hỏi cho biết họ hoàn toàn không được gặp thân chủ trong giai đoạn điều tra. Tình hình này chỉ được cải thiện khi vụ án đã sang giai đoạn truy tố với 43% số Luật sư được hỏi nói rằng họ “thường xuyên” được tạo điều kiện gặp gỡ thân chủ [33].

Những khó khăn từ quy định tại Thông tư số 70/2011/TT-BCA ngày 10/10/2011 của Bộ công an chưa được gỡ bỏ thì Bộ công an lại tiếp tục ban hành Thông tư 28/2014/TT - BCA trong quá trình soạn thảo và ban hành đã không tham khảo ý kiến của Liên đoàn Luật sư, gây bức xúc trong giới Luật sư. Theo đó, *Điều 38 - Trách nhiệm của Điều tra viên trong việc xử lý vi phạm đối với người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc trợ giúp viên pháp lý quy định:*

"1. Khi phát hiện thấy người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc trợ giúp viên pháp lý có hành vi cản trở, gây khó khăn cho hoạt động điều tra như cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, ngăn cản việc khai báo, tiết lộ bí mật, cung cấp tài liệu sai sự thật, khiếu nại, kiến nghị không có căn cứ hoặc có hành vi trái pháp luật khác thì Điều tra viên tiến hành lập biên bản sự việc trên, có thể ghi âm, ghi hình hoặc tiến hành biện pháp khác nhằm thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi cản trở, gây khó khăn cho hoạt động điều tra của họ.

2. Tùy theo mức độ vi phạm của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc trợ giúp viên pháp lý, Điều tra viên báo cáo thủ trưởng hoặc phó thủ trưởng Cơ quan điều tra ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa, giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc đề xuất biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật".

Những từ ngữ chung chung tại Điều 38 của Thông tư 28 này như đã nêu ở trên như “ xúi giục người khác khai báo gian dối”, “ngăn cản việc khai báo”, “khiều nại, kiến nghị không có căn cứ”, “ có hành vi trái pháp luật khác” ... cộng với ý thức chủ quan và cái tâm của người tiến hành tố tụng kém thì Luật sư (Người bào chữa) không thể tham gia bào chữa cho người bị buộc tội trong giai đoạn điều tra vụ án được.

Khi Luật sư được tham gia bào chữa từ giai đoạn điều tra sẽ nâng cao được chức năng bào chữa của mình. Mặc dù chưa có thống kê chính xác nhưng khi Luật sư tham gia bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án đã phát hiện nhiều thiếu sót trong quá trình điều tra cũng như phát hiện nhiều tình tiết khách quan của vụ án thì Luật sư đã có những ý kiến, kiến nghị với Cơ quan điều tra và được Cơ quan điều tra chấp nhận. Cơ quan điều tra đã giải quyết vụ án bằng các quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ điều tra đối với vụ án hoặc đối với bị can.

2.3. Đánh giá thực trạng chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội

Tính đến nay, trên cả nước đã thành lập 63 Đoàn Luật sư. Sau hơn 7 năm, số lượng Luật sư cả nước đã tăng từ 5.300 người năm 2009 lên hơn 10.000 người cùng với hơn 3.500 người tập sự hành nghề Luật sư. Những con số này cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của đội ngũ Luật sư nhằm đóng góp tích cực vào hoạt động cải cách tư pháp và hội nhập Quốc tế của đất nước [28].

Đối với hoạt động hành nghề Luật sư trong lĩnh vực tố tụng hình sự, theo báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao về công tác của các tòa án, nhiệm kỳ 2007 - 2011: đối với các vụ án hình sự thì Luật sư đã tham gia hơn 64.000 vụ án trên tổng số 299.574 vụ án hình sự tòa án xét xử (chiếm 21,44%) [45]. Trong việc tham gia tố

tụng án hình sự thì tỷ lệ số vụ bào chữa do công dân mời Luật sư ngày càng tăng so với việc bào chữa do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu.

Theo báo cáo của các Đoàn Luật sư, từ tháng 5/2009 đến nay số lượng vụ việc Luật sư tham gia bào chữa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, cung cấp dịch vụ pháp lý khác cho các cá nhân, tổ chức được 77.129 vụ án hình sự (trong đó có 34.635 vụ án hình sự được mời, 42.494 vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng); 65.263 vụ án dân sự; 5.486 vụ án kinh tế; 5.575 vụ án hành chính; 724 vụ án lao động; 272.365 vụ tư vấn trong các vụ việc khác; 9.133 đại diện ngoài tố tụng; 89.491 dịch vụ pháp lý khác; 37.827 vụ việc trợ giúp pháp lý miễn phí. Theo Luật sư Đỗ Ngọc Thịnh – Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam, trong năm 2015 và nửa đầu năm 2016, đội ngũ Luật sư tham gia bào chữa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, cung cấp dịch vụ pháp lý khác cho các cá nhân, tổ chức trong 12.636 vụ án hình sự, 10.998 vụ việc dân sự, 20.123 vụ việc kinh tế kinh doanh thương mại, 1.186 vụ án hành chính và tham gia đại diện 2.808 vụ việc ngoài tố tụng [28].

Theo báo cáo số liệu của Đoàn luật sư thành phố Hà Nội trong thời gian từ 01/01/2012 đến 31/12/2015 thì số lượng các Luật sư tham gia vào chữa trong các vụ án hình sự được thống kê theo bảng sau:

Bảng 2.1: Bảng tổng kết số lượng Luật sư tham gia bào chữa trong các vụ án hình sự từ năm 2012 đến năm 2015

Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
Do khách hàng mời	Do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu	Do khách hàng mời	Do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu	Do khách hàng mời	Do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu	Do khách hàng mời	Do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu
537 vụ	461 vụ	742 vụ	468 vụ	696 vụ	449 vụ	895 vụ	575 vụ

(Nguồn: báo cáo số liệu của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội)

Bảng 2.2: Bảng tổng kết số lượng các vụ án hình sự từ năm 2012 đến năm 2015

Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội khởi tố	Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định khởi tố	Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội khởi tố	Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định khởi tố	Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội khởi tố	Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định khởi tố	Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội khởi tố	Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định khởi tố
8.035 vụ	13.581 bị can	7.896 vụ	13.142 bị can	7.466 vụ	12.109 bị can	8.102 vụ	14.019 bị can

(Nguồn: báo cáo tổng kết công tác của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội)

So sánh giữa bảng 2.1 và bảng 2.2 chúng ta nhận thấy số lượng vụ án, số lượng bị can bị khởi tố, truy tố so với vụ án mà có Luật sư tham gia bào chữa còn quá ít. Tuy nhiên, số lượng Luật sư tham gia bào chữa trong các vụ án có xu hướng tăng lên. Điều này cho thấy chức năng bào chữa của Luật sư ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

Theo báo cáo chưa đầy đủ từ các tổ chức hành nghề Luật sư (khoảng 40% báo cáo mỗi năm) trong thời gian 05 năm từ 01/01/2012 đến 31/12/2016 các Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội đã tham gia và thực hiện 8.018 vụ án hình sự, trong đó số lượng vụ án do khách hàng mời là 5.306 vụ (chiếm 66,2%), số lượng vụ án theo chỉ định và yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng là 2.712 vụ (chiếm 33,8%). Số vụ án tranh chấp dân sự, kinh tế, hành chính, lao động là 9.288 vụ. Luật sư đại diện ngoài tố tụng và thực hiện các dịch vụ pháp lý khác là 30.745 vụ việc. Luật sư tham gia trợ giúp pháp lý miễn phí là 15.136 vụ việc. Luật sư đảm nhận 100% việc bào chữa trong các vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu [9].

Theo báo cáo tổng kết năm 2012 của Tòa án nhân dân tối cao cho thấy: Tỷ lệ các bản án, quyết định giải quyết các vụ án hình sự khi có Luật sư tham gia bị hủy là 0,6 %, bị sửa là 4,1%. So với năm 2011, tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy giảm

0,1%, bị sửa giảm 0,1%. Tỷ lệ án trả lại để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hàng năm đều giảm. Năm 2012 là 5,54%, sáu tháng đầu năm 2013 là 4,63% [46].

Thực tiễn cho thấy, việc tham gia tố tụng của các Luật sư không những đảm bảo tốt hơn quyền bào chữa của người bị buộc tội mà còn giúp các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện, điều chỉnh, sửa chữa những thiếu sót, làm rõ sự thật khách quan của vụ án góp phần giải quyết vụ án nhanh chóng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh oan sai, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Chủ nhiệm Đoàn LS Hà Nội Nguyễn Chiến cho biết: *“Năm 2016, các Luật sư Đoàn Hà Nội đã tham gia nhiều vụ án trọng điểm, nhiều vụ án được minh oan như vụ ông Trần Văn Thêm, Hàn Đức Long, Lê Văn Khánh... được dư luận đánh giá cao”*. Có được kết quả này là cả một quá trình đấu tranh công lý không mệt mỏi của các Luật sư có tâm và có tầm.

2.4 Nhận xét thực trạng về chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội

Chủ nhiệm Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội Nguyễn Chiến cho biết: *“Tính đến hiện nay, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội có 3015 Luật sư và 2598 người tập sự hành nghề Luật sư, 1005 tổ chức hành nghề, trong đó có 36,9% Luật sư là nữ.”*

Như vậy, số lượng các vụ án và số người bị khởi tố là rất lớn so với số lượng Luật sư. Vì vậy, dù có cố gắng đến đâu cũng không có đủ số lượng Luật sư tham gia bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Chưa kể đến việc số lượng Luật sư tham gia tranh tụng chiếm rất ít, chỉ khoảng 50% số lượng Luật sư chuyên về tranh tụng các vụ án hình sự. Sự thiếu hụt Luật sư trong nhiều vụ án hình sự đã không đảm bảo được nguyên tắc tranh tụng cũng như bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Chất lượng đội ngũ Luật sư còn nhiều yếu kém. Đối với những trường hợp bào chữa chỉ định vì nhiều lý do khác nhau mà việc bào chữa thường chỉ mang tính hình thức, qua loa, đại khái. Chức năng bào chữa trong thực tế còn hạn chế và trong thực tế nhiều khi chưa được Cơ quan điều tra thực sự tôn trọng, chưa tạo điều kiện cho người bào chữa thực hiện nhiệm vụ của mình như việc tham gia tố tụng của người bào chữa sau khi có quyết định khởi tố bị can còn gặp

nhiều khó khăn; nhiều trường hợp sau khi ra quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra đã không giao quyết định này và cũng không giải thích cho bị can biết rõ quyền và nghĩa vụ của mình. Do vậy, bị can không biết là mình có quyền nhờ người bào chữa ngay từ khi bị khởi tố mà họ cứ tưởng khi ra toà mới được mời Luật sư.

Sự khó khăn của Luật sư khi thực hiện chức năng bào chữa của mình cho thân chủ từ giai đoạn điều tra vụ án gặp không ít khó khăn trở ngại từ ý chí chủ quan của cơ quan tố tụng giai đoạn này. Một số Cơ quan điều tra hoặc Điều tra viên chưa nhận thức đầy đủ về chức năng, vị trí, nghĩa vụ, quyền hạn, vai trò bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra. Chính vì thế, khi thực hiện các công việc liên quan đến Luật sư bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong giai đoạn điều tra thường phát sinh rất nhiều vướng mắc giữa Cơ quan điều tra và Luật sư. Một số Điều tra viên cho rằng Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn này thì sẽ làm cản trở quá trình điều tra của họ, cho rằng Luật sư tham gia quá trình điều tra thì chỉ “bới lông tìm vết” để tìm những chứng cứ có lợi cho những người bị tình nghi phạm tội và tìm cách gỡ tội cho thân chủ chứ chẳng giúp gì được cho Cơ quan điều tra.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 thì trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của người bào chữa kèm theo giấy tờ liên quan đến việc bào chữa, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án phải xem xét, cấp giấy chứng nhận cho người bào chữa để họ thực hiện việc bào chữa. Nếu từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải nêu rõ lý do. Đối với trường hợp tạm giữ người thì trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người bào chữa kèm theo giấy tờ liên quan đến việc bào chữa, Cơ quan điều tra phải xem xét, cấp giấy chứng nhận cho người bào chữa để họ thực hiện việc bào chữa. Nếu từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải nêu rõ lý do. So với Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 thì đây là quy định mới tạo điều kiện để người bào chữa thực hiện việc bào chữa mà trước đây họ thường bị cơ quan tiến hành tố tụng gây khó khăn; quy định còn đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng phải nêu cao trách nhiệm, thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận cho người bào chữa là bắt buộc đối với cơ quan tiến hành tố tụng và giấy chứng nhận này phải được lưu trong hồ sơ vụ án

như một tài liệu chính thức để Tòa án cấp trên kiểm tra Tòa án cấp dưới. Thực tiễn xét xử cho thấy, hầu hết các Tòa án không lưu giấy chứng nhận Luật sư trong hồ sơ vụ án nên cũng khó có thể kiểm tra phát hiện những vi phạm thủ tục tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng về người bào chữa cho bị can, bị cáo.

Tại Điều 78 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã khắc phục được tồn tại của cơ chế “xin – cho” trong quá trình Luật sư xin cấp giấy chứng nhận bào chữa. Đó là Luật sư chỉ cần làm thủ tục đăng ký bào chữa và trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Luật sư xuất trình đầy đủ giấy tờ theo luật định và không thuộc trường hợp từ chối việc đăng ký bào chữa theo quy định tại Khoản 5 Điều 78 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng vào sổ đăng ký bào chữa, gửi ngay văn bản thông báo người bào chữa cho người đăng ký bào chữa. Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã mở rộng hơn về việc chứng nhận tư cách của Luật sư trở thành người bào chữa. Theo đó, những quy định khắt khe và thời gian chờ đợi để được chứng nhận tư cách là người bào chữa cho người bị buộc tội đã được nói lỏng và rút gọn.

Điều tra viên cao cấp Nguyễn Xuân Hùng trong một cuộc hội thảo khoa học do Học viện cảnh sát nhân dân và Đại sứ quán Hoa Kỳ tổ chức đã phát biểu: “*Một trong những lý do dẫn đến tình trạng Điều tra viên ngại Luật sư tham gia tố tụng trong giai đoạn điều tra vụ án là do Điều tra viên chưa nắm rõ chức năng, vai trò, phạm vi quyền, nghĩa vụ và vị trí của Luật sư, sợ rằng Luật sư sẽ gây khó khăn cho hoạt động điều tra của họ, phát hiện ra những sai sót, sơ hở của Điều tra viên khi thụ lý vụ án. Đây là một tư duy cố hữu của một số Điều tra viên gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Luật sư khi thực hiện chức năng bào chữa cho thân chủ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*”.

Luật sư chưa thực hiện được tối đa chức năng bào chữa của mình trong giai đoạn điều tra do không được gặp người bị buộc tội để khẳng định họ có hay không có nhu cầu nhờ Luật sư bào chữa trong trường hợp Luật sư được người đại diện của họ mời. Pháp luật quy định bị can có quyền được mời Luật sư bào chữa nhưng thực tế có nhiều trường hợp xuất hiện sự bất thường từ chối Luật sư bào chữa do tác động của phía Cơ quan điều tra. Sau khi đăng ký bào chữa được Cơ quan điều tra chấp nhận thì việc tiếp cận bị can vẫn còn có thể gặp những khó khăn mới nảy sinh.

Mặc dù việc gặp gỡ bị can trong giai đoạn này là hoạt động cần thiết và được luật tố tụng hình sự cho phép, tuy nhiên nhiều trường hợp khi Luật sư muốn tiếp cận bị can thì thường không thực hiện được do Cơ quan điều tra đưa ra lý do là “điều tra viên đang bận công tác khác” hoặc “án phức tạp nên chưa gặp được bị can”... Luật sư bị cản trở bất hợp pháp với vô vàn lý do của một số Điều tra viên, không nhận được sự hợp tác của Cơ quan điều tra trong quá trình Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn điều tra. Luật sư không được cấp giấy chứng nhận bào chữa đúng thời gian theo quy định của pháp luật nhất là trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Trong giai đoạn này, việc đầu tiên mà Luật sư phải làm là thực hiện thủ tục để được tham gia với tư cách là người bào chữa của người bị tạm giữ, bị can. Trước đây, Luật sư phải làm thủ tục để Cơ quan điều tra cấp giấy chứng nhận người bào chữa, chỉ sau khi được cấp giấy chứng nhận người bào chữa thì Luật sư mới được chính thức tham gia vào tố tụng. Nhưng để được cấp “giấy chứng nhận” đương nhiên theo luật thì Luật sư thường bị gây khó, phiền hà từ phía Cơ quan điều tra, một phần do nhận thức chưa thấu đáo của Cơ quan điều tra, một phần do chủ ý của một số cán bộ điều tra cản trở sự “vào cuộc” của Luật sư. Khoản 1 Điều 73 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định: *“Luật sư được gặp, hỏi người bị buộc tội; Có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu người có thẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cung đồng ý thì được hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can”*. Thế nhưng, Luật sư không thực hiện được quyền này do Điều tra viên rất ít khi báo cho Luật sư kế hoạch hỏi cung người bị bắt, người bị buộc tội, người bị tạm giữ, bị can. Quá trình lấy lời khai, hỏi cung ở những giai đoạn quan trọng thường ít có sự chứng kiến của Luật sư. Về việc sao chụp tài liệu thì Luật sư cũng không được Cơ quan điều tra tạo điều kiện mà có nhiều trường hợp Điều tra viên còn nài ra nhiều lý do không chính đáng như: Cơ quan không có máy pho to tài liệu hoặc máy pho to hỏng hoặc cán bộ cảm hồ sơ đi công tác. Việc Luật sư tiếp cận tài liệu, chứng cứ của vụ án còn có phần hạn chế. Pháp luật tố tụng hình sự cho phép Luật sư được sao chụp hồ sơ vụ án, nhưng có nhiều vụ án Luật sư rất khó tiếp cận hồ sơ do Cơ quan điều tra trả lời hồ sơ chưa

được hoàn thiện, vụ án có tính chất phức tạp, viện kiểm sát chưa phúc cung... Hoạt động gặp và trao đổi với người bị buộc tội với Luật sư trong giai đoạn điều tra là rất khó khăn. Không phải vụ án nào Luật sư cũng dễ dàng gặp được thân chủ của mình để trao đổi, củng cố tinh thần và giải thích pháp luật cũng như tìm hiểu về thân chủ đang bị tình nghi phạm tội. Đã có nhiều trường hợp khi Luật sư mang đầy đủ giấy tờ cần thiết để vào gặp người bị tạm giữ, bị can nhưng không được Điều tra viên chấp nhận và còn bị giám thị trại giam trả lời rằng: Cơ quan điều tra có công văn nội bộ không cho Luật sư gặp riêng người bị buộc tội, người bị tạm giữ, bị can mà phải đợi bố trí Điều tra viên đi cùng. Nếu Luật sư ngại đụng chạm với Cơ quan điều tra và không kiên quyết đấu tranh để thực hiện đầy đủ và trách nhiệm quyền năng bào chữa của mình thì rất khó để Luật sư có thể hoàn thành nhiệm vụ. Thực tế cũng cho thấy, nhận thức của người bị bắt, người bị buộc tội, người bị tạm giữ, bị can, người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can về quyền được bào chữa và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình không đầy đủ do đó cũng là khó khăn cho Luật sư.

Một trong những khó khăn nữa mà Luật sư gặp phải khi tham gia bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án đó là nghiệp vụ của Luật sư. Các Luật sư ở Việt Nam hầu như không được học qua nghiệp vụ điều tra như ở một số nước trên thế giới nên khả năng phán đoán dấu vết tội phạm hoặc thu thập chứng cứ còn thiếu kinh nghiệm. Nhiều Luật sư trẻ ngày nay tuy được đào tạo bài bản nhưng còn thiếu kỹ năng hành nghề nên họ ngại tham gia bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Luật sư Việt Nam chưa thường xuyên cập nhật kiến thức mới về chính trị, kinh tế, xã hội. Những quy tắc ứng xử nghề nghiệp chưa được nhận thức đúng, chưa trở thành ý thức tự giác đối với riêng mỗi Luật sư. Một số Luật sư khi tham gia tố tụng còn mang tính hình thức, chưa thực sự đóng vai trò giám sát, phản biện với Cơ quan điều tra. Không ít Luật sư thực hiện nhiệm vụ bào chữa theo chỉ định của cơ quan tiến hành tố tụng một cách qua loa, đại khái, nghiên cứu hồ sơ vụ án không kỹ hoặc không nghiên cứu hồ sơ vụ án. Một số ít Luật sư còn vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp khi thực hiện chức năng bào chữa của mình trong vụ án hình sự. Đó là những hành vi không có trách nhiệm trong công việc, hành vi “chạy án” làm ảnh hưởng đến uy tín của nghề nghiệp khiến cho cơ quan tiến hành tố tụng

không tín nhiệm Luật sư hoặc phía người bị hại không tin vào cán cân công lý. Có Luật sư còn vi phạm pháp luật nghiêm trọng đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Ví dụ như Luật sư Lê Quốc Trung, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạt 13 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Có trường hợp Luật sư thể hiện quan điểm sai trái, thái độ cực đoan, đánh mất quan điểm pháp lý của nghề nghiệp làm ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Ví dụ như trường hợp Luật sư Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội [26].

Theo báo cáo thống kê của Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm từ năm 2004 đến năm 2013 có 62.335 vụ án có quyết định tạm đình chỉ và 30.627 bị can có quyết định tạm đình chỉ điều tra. Tính trung bình mỗi năm có 6.233 vụ án có quyết định tạm đình chỉ và 3.062 bị can có quyết định tạm đình chỉ. Từ số liệu trên cho thấy tỷ lệ các vụ án hình sự bị đình chỉ điều tra chiếm một số lượng không nhỏ. Có được hiệu quả này cũng một phần nhờ sự tham gia bào chữa tích cực của Luật sư. Luật sư tham gia bào chữa trong các vụ án hình sự ngày càng nhiều hơn. Những quy định của pháp luật tổ tụng hình sự về việc phân công, chỉ định Luật sư của các cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết vụ án hình sự khiến cho các vụ án đảm bảo có Luật sư tham gia nhiều hơn. Việc có Luật sư tham gia vụ án hình sự từ giai đoạn điều tra có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Chức năng bào chữa của Luật sư càng được nâng cao để đảm bảo tốt hơn quyền bào chữa của người bị buộc tội. Việc tham gia bào chữa của Luật sư ngay từ giai đoạn điều tra vụ án hình sự còn giúp các cơ quan tiến hành tố tụng đặc biệt là Cơ quan điều tra phát hiện, sửa chữa những thiếu sót, sai lầm, tránh các hành vi tiêu cực như “bức cung”, “mớm cung”, “nhục hình” nếu có xảy ra đồng thời góp phần tích cực vào việc làm rõ sự thật khách quan của vụ án một cách nhanh chóng, chính xác.

Khi chức năng bào chữa của Luật sư ngày càng được tôn trọng và nâng cao thì quyền con người, quyền công dân càng được đẩy lên một vị trí tích cực hơn. Quyền bào chữa của Luật sư được tham gia ngay từ khi điều tra vụ án chắc chắn sẽ làm cho con người tin vào công lý, các vụ án oan sai sẽ giảm, trách nhiệm của

những người tiến hành tố tụng sẽ được nâng cao, hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm sẽ được đảm bảo tốt hơn.

Luật sư thực hiện chức năng bào chữa ngay từ giai đoạn điều tra đã góp phần tích cực vào việc giải quyết các vụ án hình sự. Điều 73 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định Luật sư được tham gia bào chữa ngay từ giai đoạn điều tra vụ án có một ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm ngăn ngừa những hành vi tiêu cực, những hiện tượng vi phạm tố tụng trong việc điều tra vụ án. Thông qua hoạt động bào chữa chuyên nghiệp của mình thì Luật sư đã đóng góp tích cực cho hoạt động tư pháp, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa đồng thời bảo vệ được quyền và lợi ích chính đáng của người bị buộc tội. Sự đóng góp của Luật sư vào sự nghiệp bảo vệ công lý nói chung và giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội trong giai đoạn điều tra đồng thời tham gia giám sát hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra để hạn chế những thiếu sót không đáng có xảy ra. Do trong giai đoạn điều tra, hoạt động của Luật sư và cơ quan tiến hành tố tụng đều hướng tới mục đích là xác định sự thật của vụ án, bảo đảm các chứng cứ của vụ án được điều tra, thu thập một cách chính xác và khách quan, bảo đảm cho bị can thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Sự tham gia của Luật sư bào chữa trong giai đoạn điều tra không làm cản trở công tác điều tra vụ án của Điều tra viên, trái lại hoạt động của hai bên lại có mối quan hệ thúc đẩy bổ sung cho nhau. Sự có mặt của Luật sư bào chữa khi Cơ quan điều tra tiến hành hỏi cung đối với bị can không chỉ là chỗ dựa tinh thần cho bị can mà còn tránh được việc “nhục hình”, “bức cung”, “mớm cung” ... góp phần nâng cao tính khách quan của hoạt động điều tra. Đặc biệt, việc Luật sư bào chữa tham gia vào các hoạt động điều tra khác như khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, xem xét dấu vết thân thể khi được Điều tra viên đồng ý... cũng là một hoạt động tố tụng cần thiết. Thông qua việc có mặt tại các hoạt động điều tra này, Luật sư bào chữa có thể phát hiện được những mâu thuẫn trong các tình tiết của vụ án hoặc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội, tình tiết có ý nghĩa minh oan cho người bị buộc tội trong trường hợp người bị buộc tội vô tội, hạn chế tình trạng oan sai trong tố tụng hình sự. Tuy nhiên, mục đích của Luật sư khi đưa ra chứng cứ khác với mục đích đưa ra

chứng cứ của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng khác bởi trước hết Luật sư luôn thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thân chủ, sau nữa là góp phần làm sáng tỏ những tình tiết khác nhau về vụ án. Trong trường hợp những chứng cứ mà Luật sư thu thập được có ý nghĩa xác định giá trị buộc tội mà cơ quan tiến hành tố tụng dùng để chứng minh người bị buộc tội có tội thì Luật sư phải có ý kiến phản biện một phần hoặc toàn bộ chứng cứ đó để đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện những hoạt động nghiệp vụ để có thể làm thay đổi tội danh hoặc áp dụng hình phạt nhẹ hơn nhằm đảm bảo công bằng pháp luật.

Trong giai đoạn điều tra, chức năng bào chữa Luật sư được thể hiện mang những đặc thù riêng so với các giai đoạn khác trong tố tụng hình sự bởi lẽ: Thông qua việc thực hiện các quyền năng tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, Luật sư góp phần tích cực vào việc giúp Cơ quan điều tra thu thập chứng cứ của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, không chỉ làm rõ chứng cứ có tội, tình tiết tăng nặng mà còn làm rõ những chứng cứ vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người bị buộc tội, hạn chế tình trạng oan sai và vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, tạo điều kiện cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, kịp thời, đúng pháp luật.

Kết luận chương 2

Qua nghiên cứu về thực trạng chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội những năm gần đây, tác giả đã phân tích thực trạng, nhận xét, đánh giá thông tin về vai trò, chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra một cách chi tiết để từ đó thấy rõ được những thuận lợi, khó khăn khi Luật sư tham gia bào chữa trong vụ án hình sự ngay từ giai đoạn điều tra.

Từ thực tiễn trong quá trình hoạt động nghề nghiệp Luật sư, hầu hết các Luật sư đều nhìn nhận rằng trong suốt quá trình tố tụng điều tra, truy tố, xét xử thì những khó khăn của Luật sư tham gia trong giai đoạn điều tra được phản ánh nhiều nhất. Đặc biệt, nổi cộm lên vấn đề Luật sư thường hay bị Cơ quan điều tra gây khó khăn

trong việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa, chứng nhận đăng ký bào chữa, tham gia hỏi cung người bị buộc tội gây ảnh hưởng đến quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra. Mặc dù cản ngại này có xu hướng ngày càng giảm, nhưng vẫn là điều các Luật sư ái ngại nhất.

Chính vì vậy, Luật sư tham gia trong giai đoạn điều tra nhiều khi chỉ mang tính hình thức, không giúp ích gì nhiều được cho thân chủ. Do đó, pháp luật về tố tụng và pháp luật về Luật sư cần phải có quy định tháo gỡ những vướng mắc này nhằm nâng cao hiệu quả chức năng bào chữa của Luật sư tham gia từ giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM CHỨC NĂNG BÀO CHỮA CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Các yêu cầu bảo đảm chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

3.1.1 Sự đóng góp của Luật sư vào sự nghiệp bảo vệ quyền con người trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Thực tế đã cho thấy trong những năm qua, đặc biệt là từ khi pháp lệnh Luật sư ra đời năm 2001 cùng với sự ra đời của Bộ luật tố tụng hình sự 2003 và Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã tạo điều kiện thuận lợi để Luật sư đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ công lý nói chung và bảo vệ quyền con người trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng đạt nhiều kết quả tích cực. Tính đến nay cả nước có hơn 10.000 Luật sư và tập trung ở thành phố Hà Nội khoảng 2.656 Luật sư và 2.520 người thực tập hành nghề Luật sư, trong đó nhiều Luật sư có học hàm giáo sư, phó giáo sư, học vị tiến sĩ, thạc sĩ luật học. Họ đã tham gia rất nhiều vụ án với tư cách là Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn điều tra vụ án góp phần để hoạt động điều tra của cơ quan tiến hành tố tụng được khách quan, nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật. Luật sư cũng góp phần làm sáng tỏ nhiều vụ án oan sai, bảo vệ quyền con người một cách dân chủ, công bằng, nâng cao việc phòng chống tội phạm. Không ít những vụ án nhờ có Luật sư tham gia từ giai đoạn điều tra mà đã phát hiện ra sai sót nghiêm trọng của cơ quan tiến hành tố tụng. Nhiều vụ án đã được Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ điều tra đối với vụ án hoặc đối với bị can. Luật sư cũng đồng thời phát hiện ra nhiều trường hợp cơ quan tố tụng bỏ lọt tội phạm. Bên cạnh đó, Luật sư cũng góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật của quần chúng nhân dân thi họ tích cực tham gia giải thích, tuyên truyền pháp luật cho nhân dân. Nhiều Luật sư và tổ chức hành nghề Luật sư cũng có những đóng góp to lớn vào việc sửa đổi và hoàn thiện pháp luật. Nhận thức được tầm quan trọng của Luật sư trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến vai trò, vị trí, chức năng bào chữa của Luật sư, sự phát triển của đội ngũ

Luật sư, tổ chức Luật sư. Qua nghiên cứu về Luật sư, có thể khẳng định đại đa số các Luật sư có phẩm chất chính trị tốt, trung thành với sự nghiệp của Đảng, của dân tộc, có ý thức phấn đấu đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của đất nước, giữ vững và phát huy những quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Luật sư. Nhìn chung chất lượng tham gia tố tụng của Luật sư ngày càng được cải thiện và nâng cao[55].

Nhiều Luật sư tham gia bào chữa ngay từ giai đoạn điều tra vụ án đã không ngần ngại tìm những chứng cứ gỡ tội hoặc vô tội để tìm ra sự thật khách quan của vụ án giúp người tình nghi phạm tội, người bị tạm giữ, bị can được minh oan, được trả tự do ngay từ giai đoạn điều tra vụ án tránh oan sai, đem lại công bằng cho thân chủ của mình đồng thời góp phần bảo vệ công lý. Các vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu có người bào chữa thì 100% các vụ án đó đều được đội ngũ Luật sư đồng ý tham gia. Chất lượng bào chữa của các Luật sư trong các vụ án đó cũng ngày càng được nâng cao. Theo quy định tại Điều 73 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì Luật sư được tham gia bào chữa từ giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Thực tế thì các Luật sư đều mong muốn được tham gia tố tụng ngay từ giai đoạn này. Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn điều tra có một ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm ngăn ngừa những hiện tượng vi phạm pháp luật trong việc điều tra vụ án hình sự.

LS Nguyễn Huy Thiệp nhận định “*người bị tạm giữ, bị can, đặc biệt là những bị can đang bị tạm giam, người nhà của những người này rất mong muốn Luật sư tham gia vào từ giai đoạn điều tra, bởi đối với họ, lúc này Luật sư – người bào chữa là người duy nhất có thể tư vấn và hướng dẫn họ tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Hơn thế nữa, khi tham gia từ giai đoạn điều tra, người bào chữa sẽ giám sát và kịp thời phát hiện những sai sót (nếu có) của Điều tra viên, từ đó có những đề xuất, kiến nghị đối với Cơ quan điều tra, viện kiểm sát để bảo vệ quyền và lợi ích của khách hàng*”.

3.1.2 Chức năng bào chữa của Luật sư còn bị hạn chế trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Giai đoạn điều tra có nhiều ý nghĩa quan trọng như Luật sư Lê Minh Đức nhận định “*Ở giai đoạn điều tra, giai đoạn có tính quyết định của quá trình tiến*

hành tố tụng, vì người bị tạm giữ, bị can chỉ là đối tượng bị “tình nghi phạm tội”, nếu thiếu thận trọng thì khoảng cách giữa không phạm tội và phạm tội hoặc giữa lỗi và tội dễ bị xóa nhòa”[11]. Theo đó, mục đích hướng đến của Luật sư phải là “Luật sư đóng vai trò “bác sĩ pháp lý” cho bị can, người được tiếp cận bị can với tư cách người bào chữa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ, có trách nhiệm giải thích cho bị can về những quyền được pháp luật bảo đảm, chuẩn bị tâm lý để từ đó giúp người bị “tình nghi phạm tội” bình tĩnh, sáng suốt trong quá trình khai báo, trung thực, khách quan, toàn diện, đúng quy định của pháp luật và xem xét toàn bộ nội dung điều tra để minh oan cho người bị “tình nghi phạm tội”” [51].

Trong cuốn sách *Vụ án vườn điều từ những góc nhìn*, tác giả Luật sư Phạm Hồng Hải đã miêu tả quá trình tương đối gian khổ, đối mặt với cơ quan tư pháp tỉnh Bình Thuận. Niềm vui bảo vệ công lý cho gia đình bị can Nguyễn Thị Lâm chỉ vỡ òa khi Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an công bố Bản kết luận điều tra số 01/KLĐT (C14-P9) quyết định tạm đình chỉ vụ án, đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Thị Lâm, Nguyễn Văn Sơn, Huỳnh Văn Nén, Nguyễn Thị Tiến; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao ra quyết định trả tự do cho bà Nguyễn Thị Lâm. Trong quá trình này, luật sư Phạm Hồng Hải và luật sư Trần Vũ Hải chịu rất nhiều áp lực, ngay từ dư luận và phía cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận/Điều tra viên thụ lý vụ việc. Tổng kết, luật sư Phạm Hồng Hải đã chỉ ra các vi phạm tố tụng của một số người thuộc cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Thuận như sai lầm trong thu thập chứng cứ; bức cung, nhục hình (“đấu tranh”) bị can; năng lực và lương tâm hạn chế của Điều tra viên (Cao Văn Hùng) thụ lý vụ việc.... Trong một bối cảnh khác có liên quan, trước khi có kết luận chính thức về vụ án “Người tù thế kỷ” này (Ông Huỳnh Văn Nén được trả tự do), cựu Điều tra viên Cao Văn Hùng được kết nạp vào Đoàn Luật sư cũng tạo dư luận không tốt trong giới Luật sư nước nhà[13].

Tương tự, việc xét xử 5 công an sử dụng nhục hình gây chết người (Tuy Hòa, Phú Yên) với những mức án nhẹ (trong đó một người lãnh 5 năm tù giam, một người 2 năm tù giam, một người 1 năm 6 tháng tù giam và 2 người còn lại hưởng án

treo) cũng tạo nên sự nghi hoặc nhất định đối với hệ thống tư pháp và công cuộc cải cách tư pháp nói chung [44].

Trong cả hai vụ việc nêu trên, sự tham gia của Luật sư trong phiên tòa còn gặp nhiều cản trở nhất định. Đặc biệt, trong một diễn biến bất thường, tại vụ việc thứ hai, các cơ quan Công an – Tòa án – Viện kiểm sát tỉnh Phú Yên yêu cầu Liên đoàn Luật sư Việt Nam thu hồi chứng chỉ hành nghề Luật sư của Luật sư Võ An Đôn (Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại) với lý do có lời lẽ thiếu văn hóa, xúc phạm đến người tham gia tố tụng và nhiều cán bộ lãnh đạo các ngành nội chính của tỉnh Phú Yên/thành phố Tuy Hòa. Mặc dù, cuối cùng, yêu cầu bất hợp pháp và không chính đáng này bị Liên đoàn Luật sư Việt Nam [29] bác bỏ nhưng vụ việc cũng để lại nhiều dư âm không tốt trong môi trường tư pháp nước nhà [52], [22].

Bên cạnh vụ án oan Nguyễn Thanh Chấn đã tốn nhiều bút, mực của báo chí Việt Nam, Vụ án ông Trần Văn Thêm (80 tuổi) bị truy tố về tội giết người tại tỉnh Vĩnh Phú (cũ) vào năm 1970 được Tòa án nhân dân tối cao kết luận là oan sai vào ngày 09/8/2016 mới đây. Đây được xem là vụ án hy hữu trong lịch sử tố tụng hình sự, hầu hết các tài liệu liên quan đến vụ án đều đã bị thất lạc trong một thời gian dài. Tòa án nhân dân tối cao mới đây đã tìm được 2 bản án sơ thẩm, phúc thẩm cùng tài liệu liên quan trong hồ sơ lưu trữ và quyết tâm nhanh chóng xử lý sự việc để chính thức minh oan cho ông Trần Văn Thêm [15]. May mắn cho không chỉ ngành tư pháp nước nhà lẫn công dân, người hàm oan vẫn sống được tiếp tới 46 năm để chờ đợi công lý đến được với mình. Câu hỏi đúng (right question [61]) cần đặt ra là còn bao nhiêu phận người oan sai và sống được đến ngày được giải oan?

Bảng 3.1. Số liệu án oan, sai

Giai đoạn	Số vụ án oan, sai	Giá trị bồi thường	Nguồn
2011-2014	71	30 tỷ đồng	Liên đoàn Luật sư Việt Nam

Song song với số liệu nêu trên của Liên đoàn Luật sư Việt Nam (những vụ việc có sự tham gia của Luật sư), theo Đoàn Luật sư Hà Nội, trong 47 vụ án có dấu hiệu oan sai mà Luật sư của đoàn từng trợ giúp pháp lý từ 01/10/2011 đến 30/9/2014,

tương tự các vụ việc trên đây, oan sai chủ yếu xuất phát từ giai đoạn điều tra [50]. Tác giả cũng không phủ nhận rằng các Điều tra viên gây ra oan sai trong thống kê kê trên chỉ là số ít và vẫn có những Điều tra viên có lương tâm nghề nghiệp [25].

Phần lớn Luật sư bào chữa cho bị cáo chưa được tham gia từ giai đoạn điều tra vụ án, thường họ chỉ được tham gia từ giai đoạn xét xử nên có nhiều trường hợp không bảo vệ được kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo và đương sự trong giai đoạn điều tra vụ án. Do vậy, việc bào chữa hoặc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo và đương sự tại phiên tòa có nhiều khó khăn. Không ít trường hợp Luật sư do Tòa án chỉ định theo quy định của pháp luật họ thường thực hiện vai trò bào chữa chỉ là nghĩa vụ mà chưa phát huy hết khả năng và trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được bào chữa.

Một số Luật sư chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của người bào chữa theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, chỉ tập trung vào chứng cứ chứng minh theo hướng nhẹ tội cho bị cáo, thậm chí theo hướng bị cáo không có tội, nên việc đưa ra các chứng cứ, lập luận không khách quan, không có căn cứ pháp luật, cách đặt câu hỏi thường mớm cho bị cáo khai.

Những quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động hành nghề Luật sư ở nước ta còn nhiều hạn chế, chưa phát huy được những tiềm năng thực tế. Nhiều quy định còn hạn chế quyền năng của Luật sư cũng như đang tồn tại nhiều quy định chung chung dẫn đến sự khó khăn trong việc thực hiện quyền bào chữa.

Nhận thức của những cán bộ làm công tác tố tụng về ý nghĩa và tầm quan trọng của Luật sư tham gia bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự còn hạn chế. Trên thực tế, có rất nhiều cán bộ Cơ quan điều tra, Điều tra viên chưa nhận thức đúng về vị trí, vai trò, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Luật sư mà quan niệm sai lầm rằng Luật sư chỉ là “ thầy cãi”, là người chuyên đi “ moi móc” những sơ hở của vụ án, gây khó khăn cho hoạt động điều tra nên đã không tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh những quy định của pháp luật để Luật sư thực hiện sứ mệnh bào chữa của họ.

Do trình độ chất lượng chuyên môn của Luật sư không đồng đều. Ngoài kiến thức pháp lý ra thì những chuyên môn khác phần lớn các Luật sư còn rất hạn chế.

Nhiều vụ án liên quan đến yếu tố khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin thì phần lớn các Luật sư đều lúng túng.

Nghề Luật sư đôi khi không nhận được sự ủng hộ của toàn xã hội nói chung và của khách hàng nói riêng do nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Người bị buộc tội người đại diện của người bị buộc tội chưa thực sự nhận thức đúng đắn về quyền được bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

3.1.3 Nguyên nhân gây nên sự hạn chế khi thực hiện chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Những năm gần đây có lẽ là những năm sôi động với giới Luật sư trong sứ mệnh bảo vệ quyền con người, bảo vệ công lý, bảo vệ pháp chế. Theo Phó Chủ tịch Thường trực Liên đoàn Luật sư Việt Nam Đỗ Ngọc Thịnh thì: “ *Những vụ án oan, sai đã từng xảy ra, hay những vụ có dấu hiệu oan khác như vụ năm công dân ở Tuyên Quang bị bắt vì lá đơn nặc danh đều có đặc điểm chung là các Luật sư không được tham gia từ đầu vụ án. Điều này dẫn đến việc các bị can, bị cáo không biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như không được bảo vệ ngay từ đầu. Hai vụ án oan kinh điển trong lịch sử tố tụng Việt Nam là vụ Nguyễn Thanh Chấn và Huỳnh Văn Nén cho thấy vai trò không thể thiếu của Luật sư trong việc ngăn chặn và giảm thiểu án oan, sai. Đối với những vụ án này, cũng như các vụ án hình sự khác, nếu có Luật sư tham gia ngay từ đầu, những chứng cứ khách quan, bản chất của vụ án sẽ được làm rõ, đảm bảo yếu tố khách quan, đúng người, đúng tội. Việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân cũng vì thế mà được đảm bảo tốt hơn. Điều này cũng tạo lập được niềm tin cho người dân vào quá trình tố tụng của cả hệ thống tư pháp*”.

Mặc dù đã có những đóng góp tích cực cho hoạt động tư pháp nhất là trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, đã bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội thông qua hoạt động nghề nghiệp của mình nhưng các Luật sư vẫn chưa thực hiện hết quyền năng của mình và chưa thể hiện hết chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra. Những hạn chế đó là do những nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan, cho đến nay vẫn chưa được khắc phục triệt để như:

Thứ nhất, số lượng Luật sư còn quá ít so với dân số của nước ta. Số lượng Luật sư tham gia tố tụng hình sự với tư cách là người bào chữa rất hạn chế. Chỉ khoảng 20% số vụ án hình sự là có Luật sư tham gia bào chữa. Tỷ lệ này là quá thấp. Chất lượng Luật sư còn yếu kém, chưa được đào tạo một cách chuyên nghiệp. Một số Luật sư tham gia tố tụng còn mang tính hình thức, chưa thực sự đóng vai trò giám sát, phản biện với cơ quan tiến hành tố tụng. Không ít Luật sư thực hiện nhiệm vụ bào chữa của mình một cách qua loa, đại khái, nghiên cứu hồ sơ vụ án không kỹ hoặc không nghiên cứu hồ sơ vụ án, không nắm chắc nội dung vụ án gây ảnh hưởng đến việc bào chữa cho người bị buộc tội. Chất lượng các vụ án chỉ định theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng còn thấp. Số lượng Luật sư phát triển chưa cân đối giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, trung du. Số lượng Luật sư ở nước ta chủ yếu tập trung ở hai thành phố lớn là thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh [26]. Số lượng Luật sư cũng chưa đủ để đáp ứng nhu cầu về dịch vụ pháp lý ngày càng tăng của cơ quan, tổ chức, cá nhân, ngay cả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng. Trên thực tế, chỉ khoảng 20% số vụ án hình sự trong cả nước có sự tham gia của Luật sư. Ở nhiều địa phương, nhất là ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, số lượng Luật sư không đủ để bào chữa trong các vụ án bắt buộc có sự tham gia của Luật sư (án chỉ định). Tình trạng đó khiến nhiều vụ án phải tạm hoãn, kéo dài, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng. Sự thiếu vắng Luật sư trong các vụ án hình sự đã không bảo đảm được nguyên tắc tranh tụng, quyền bào chữa của người bị buộc tội gây ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ án

Thứ hai, về nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ Luật sư, do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhìn chung chưa đạt được sự kỳ vọng chung của xã hội, mặt bằng chưa đồng đều, đặc biệt là về kỹ năng hành nghề nói chung và cung cấp dịch vụ pháp lý trong các lĩnh vực kinh tế chuyên sâu hoặc có yếu tố nước ngoài. Do hình thức tổ chức chưa phong phú, linh hoạt và do kinh phí hạn chế nên số đông các Luật sư chưa được tham dự các lớp bồi dưỡng, hội thảo chuyên đề do Liên đoàn tổ chức; chất lượng giáo trình và đội ngũ giảng viên chưa cao và chưa ổn định; một số Đoàn Luật sư chưa quan tâm đúng mức đến công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên

môn cho đội ngũ Luật sư của Đoàn.... Hiệu quả tham gia tố tụng của Luật sư chưa cao, chưa có cơ chế bảo đảm cho Luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp. Số Luật sư có khả năng và kiến thức về tranh tụng quốc tế còn rất ít, nên trong các tranh chấp thương mại với nước ngoài, phía Việt Nam vẫn chủ yếu phải thuê Luật sư nước ngoài. Điều đó khiến chúng ta không chủ động nắm bắt được diễn biến giải quyết tranh chấp; khó bảo đảm được vấn đề bảo mật thông tin, hơn nữa chi phí lại rất cao, không phù hợp với khả năng trang trải của các cơ quan, doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ ba, bên cạnh mặt tích cực về số lượng Luật sư ngày càng phát triển, phạm vi cung cấp dịch vụ pháp lý đa dạng và ngày càng tốt hơn cho các chủ thể xã hội, nhưng số Luật sư kiêm nhiệm nghề nghiệp hoặc vì lý do khác không hành nghề Luật sư thường xuyên, không sống bằng nghề Luật sư chiếm tỷ lệ đáng kể, tỷ lệ Luật sư hành nghề tại các tỉnh miền núi, vùng dân tộc, kinh tế chưa phát triển còn rất thấp.

Thứ tư, theo đánh giá của Liên đoàn Luật sư Việt Nam thì đa số các Luật sư có phẩm chất chính trị tốt, trung thành với sự nghiệp của Đảng, của dân tộc, có ý thức phấn đấu đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của đất nước, giữ vững và phát huy những quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Luật sư. Tuy nhiên, cá biệt còn có một số Luật sư yếu về nhận thức và bản lĩnh chính trị, có những hành vi đi ngược lại đường lối của Đảng, con đường phát triển của đất nước mà nhân dân ta đã lựa chọn. Một số Luật sư chưa nhận thức rõ sứ mệnh cao quý của nghề nghiệp mà mình lựa chọn, nặng về dịch vụ, dẫn đến có những hành vi vi phạm nghiêm trọng đạo đức và quy tắc ứng xử nghề nghiệp. Việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và kỷ luật hành nghề Luật sư vẫn chưa được nhận thức một cách đầy đủ, chưa trở thành ý thức tự giác đối với mỗi cá nhân Luật sư trong hành nghề và trong cuộc sống (trong thời gian qua đã có 60 trường hợp bị xử lý kỷ luật, trong đó có hơn 30 trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách Luật sư của Đoàn). Vẫn còn một số ít Luật sư có biểu hiện lệch lạc trong nhận thức về quan điểm, lập trường chính trị. Trong nhiệm kỳ, Liên đoàn nhận được 443 đơn thư có nội dung khiếu nại, tố cáo liên quan đến Luật sư vi phạm đạo đức, ứng xử

nghề nghiệp hoặc tranh chấp giữa Luật sư với tổ chức hành nghề, giữa Luật sư với khách hàng mà trong đó có yêu cầu xem xét tư cách đạo đức của các Luật sư. Các Đoàn Luật sư đã quyết định xử lý kỷ luật đối với 94 trường hợp bằng các hình thức kỷ luật khác nhau, trong đó đã xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách Luật sư đối với 22 trường hợp do vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp Luật sư.

Thứ năm, bên cạnh những hạn chế từ chính những Luật sư có chức năng bào chữa trong vụ án hình sự như đã trình bày ở trên thì còn có những hạn chế từ phía cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Từ thực tiễn cho thấy hầu hết các Luật sư đều nhìn nhận rằng trong suốt quá trình giải quyết vụ án thì giai đoạn điều tra vụ án là giai đoạn mà các Luật sư gặp khó khăn nhiều nhất. Nổi cộm lên trong những khó khăn mà Luật sư gặp phải là vấn đề cấp Giấy chứng nhận bào chữa và việc đăng ký bào chữa. Việc làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận bào chữa hoặc đăng ký bào chữa cho người bị buộc tội gặp vô vàn khó khăn mà các Luật sư không biết kêu ai vì những lý do mà các Điều tra viên đưa ra vô cùng nhiều. Khó khăn tiếp theo là việc Luật sư gặp và trao đổi với người bị buộc tội thường bị giám sát chặt chẽ bởi Điều tra viên hoặc giám thị. Thời gian được gặp thân chủ của Luật sư trong giai đoạn này là cực kỳ ngắn. Pháp luật quy định Luật sư được có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu người có thẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cung đồng ý thì được hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can. Nhưng vấn đề là Cơ quan điều tra rất ít khi báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai của người bị bắt, người bị tạm giữ, hỏi cung bị can nên việc Luật sư tham gia vào công việc này hoàn toàn thụ động. Cơ quan điều tra thường không tạo điều kiện cho Luật sư trong việc sao chụp, thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến việc bào chữa trong hồ sơ vụ án. Hồ sơ vụ án được xây dựng trên lời khai của người bị buộc tội qua quá trình thu thập chứng cứ bằng các hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra theo hướng buộc tội. Trong khi Luật sư muốn bào chữa được hiệu quả thì phải thu thập các chứng cứ gỡ tội hoặc vô tội. Cơ quan điều tra thu thập thông tin một cách dễ dàng do họ có

nghiệp vụ và quyền hạn thì Luật sư gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động này. Đôi khi chứng cứ của Luật sư thu thập được khi nộp cho cơ quan tiến hành tố tụng lại ít khi được sử dụng trong vụ án vì bị cho là “ thu thập chứng cứ không theo đúng quy trình của luật định”. Nhận thức của các cơ quan nhà nước, các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là Cơ quan điều tra về vị trí, vai trò của Luật sư chưa đầy đủ nên ý kiến phát biểu của Luật sư chưa thực sự được tôn trọng.

Thứ sáu, Đoàn Luật sư chưa thực hiện tốt vai trò tự quản của mình, chưa có biện pháp uốn nắn, chấn chỉnh kịp thời những Luật sư có biểu hiện giảm sút về đạo đức, tiêu cực về nhận thức chính trị.

Thứ bảy, công tác quản lý nhà nước về Luật sư và hành nghề Luật sư vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Sự lãnh đạo của các cấp ủy ở một số địa phương đối với tổ chức và hoạt động Luật sư còn lúng túng, chưa chặt chẽ, chưa được hướng dẫn thống nhất.

Thứ tám, về mặt pháp lý, Luật sư chưa được thừa nhận là một chủ thể tư pháp độc lập, có quyền bình đẳng trong mối quan hệ mang tính thống nhất trong quá trình tiến hành tố tụng với các chủ thể tư pháp khác. Điều 34 của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành chỉ xác định: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên là những người tiến hành tố tụng. Như vậy Luật sư không được coi là người tiến hành tố tụng và chỉ là người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật tố tụng hình sự với tư cách là Người bào chữa.

Có thể nói rằng buộc tội và gỡ tội là hai hoạt động chủ yếu trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự. Xét về hình thức thì hai hoạt động đó mang tính đối lập nhau nhưng xét về bản chất thì hai hoạt động đó mang tính thống nhất rất cao trong mối quan hệ chế ước lẫn nhau để đi đến mục đích cuối cùng là tìm ra đúng bản chất của vụ việc tức là tìm ra kẻ phạm tội một cách khách quan, chính xác. Rõ ràng bản chất của mối quan hệ này mang tính bình đẳng rất cao. Yêu cầu sự bình đẳng của Luật sư trong quá trình tố tụng hình sự không phải là sự đòi hỏi “chia quyền” với những người tiến hành tố tụng mà đòi hỏi Luật sư phải được thừa nhận về mặt pháp

lý là một chủ thể tư pháp độc lập trong mối quan hệ của hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Yêu cầu này phải được nhìn nhận như một yêu cầu tất yếu trên con đường đi tìm công lý – mục đích của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng – xét từ nhiều khía cạnh lý thuyết. Chính vì thiếu cơ sở pháp lý để khẳng định vai trò, chức năng, địa vị của Luật sư là một chủ thể tư pháp độc lập, có quyền bình đẳng với các chủ thể tư pháp khác trong quá trình tham gia tiến hành tố tụng hình sự nên dẫn đến tình trạng thiếu tôn trọng Luật sư, gây khó khăn cho Luật sư trong quá trình tham gia tố tụng.

Thứ chín, Theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật tố tụng hình sự về thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng: “*Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trường hợp bắt, tạm giữ người thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ. Trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia thì Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra*”. Vậy trong trường hợp nào thì cần giữ bí mật điều tra? Luật không đưa ra những quy định cụ thể cho nên Luật sư có được tham gia trong trường hợp này hay không là phụ thuộc vào Viện trưởng Viện kiểm sát, điều đó trực tiếp hạn chế hoạt động của Luật sư. Vì thế, người bị buộc tội không có được sự bảo vệ của Luật sư trong suốt cả quá trình điều tra và dĩ nhiên khó tránh khỏi quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội bị xâm hại.

Thứ mười, Các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự và pháp luật chuyên ngành còn hạn chế rất nhiều quyền hạn thực hiện chức năng bào chữa của Luật sư.

Nhìn nhận một cách khách quan, tác giả thấy rằng nguyên nhân lớn bao trùm gây nên hạn chế chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là do cả một hệ tư tưởng của cả một dân tộc, một xã hội bao gồm tất cả các tầng lớp thuộc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, mọi ngành nghề, mọi lứa tuổi, mọi thế hệ luôn tư duy theo hướng đề cao lợi ích của một nhóm người có chung một quyền lợi khi được xã hội phân công để thực thi một nhiệm vụ nào đó hay chỉ là sự phản

ánh về ý thức trước một hiện tượng xã hội. Cụ thể là, trong suốt một thời gian dài, xã hội chúng ta đã sử dụng hệ thống tố tụng hình sự kiểu “cũ” nhằm đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự xã hội. Song, giai đoạn hiện nay thì hệ thống tố tụng hình sự “cũ” không còn phù hợp vì nhiều nguyên nhân khác nhau như: Tính thiếu hiệu quả và lạc hậu, nhu cầu dân chủ và đảm bảo quyền lợi chính đáng của công dân, sự phức tạp của các quan hệ xã hội ngày càng tăng đòi hỏi một nhận thức “mới” về tư pháp hình sự, yêu cầu hòa nhập với tư pháp hình sự thế giới. Trong công tác hành pháp, Cơ quan điều tra hoặc người của Cơ quan điều tra chỉ hướng đến những thuận lợi của cơ quan, cá nhân mình mà không tính đến quyền lợi của những người đang bị hạn chế quyền công dân - Những người đang bị tình nghi là đã thực hiện hành vi phạm tội [24].

Ngoài ra còn rất nhiều nguyên nhân khác nữa gây nên những hạn chế của Luật sư tham gia bào chữa để bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự như nhận thức của những người tiến hành tố tụng và nhất là của Điều tra viên còn có xu hướng xem nhẹ chức năng bào chữa của Luật sư, tìm mọi cách để cản trở hoạt động bào chữa.

3.1.4 Sự cần thiết phải nâng cao chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh cải cách tư pháp thì vị trí, vai trò, chức năng của Luật sư trong xã hội ngày càng được nâng cao. Tình hình đó cũng đặt ra yêu cầu phát triển đội ngũ Luật sư đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, vững về bản lĩnh chính trị, trong sáng về đạo đức nghề nghiệp.

Trước yêu cầu của cải cách tư pháp, việc phát triển đủ số lượng Luật sư để tham gia tranh tụng tại các phiên tòa và hỗ trợ pháp lý cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là yêu cầu cấp thiết. Trong Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”, Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương chỉ đạo khẩn trương đào tạo và phát triển đội ngũ Luật sư cả về số lượng và chất lượng, phấn đấu đến năm 2020 cả nước có 18.000 – 20.000 Luật sư. Đây là quyết tâm chính trị rất cao của Đảng, Nhà nước và sự nỗ lực của cả giới Luật

sư và toàn xã hội. Bảo đảm Luật sư được đào tạo bài bản theo chương trình chuẩn về cử nhân luật, đào tạo nghề Luật sư theo hướng hội nhập với khu vực và thế giới, đảm bảo 100% số lượng Luật sư được bồi dưỡng thường xuyên và nâng cao về nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng hành nghề, đạo đức và ứng xử nghề nghiệp theo chuẩn mực nghề nghiệp Luật sư. Phát triển đội ngũ Luật sư hành nghề chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật, chú trọng đến việc đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại, đầu tư, phấn đấu đạt khoảng 1.000 Luật sư phục vụ yêu cầu hội nhập quốc tế...

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng tạo nhiều cơ hội cho Luật sư phát triển quan hệ hợp tác, giao lưu với các đối tác nước ngoài. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế của đất nước, nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhất là của doanh nghiệp cũng gia tăng nhanh chóng; số lượng vụ việc, khách hàng của Luật sư sẽ nhiều hơn, đa dạng hơn; phạm vi hoạt động hành nghề của Luật sư ngày càng được mở rộng.

Bên cạnh đó, yêu cầu của xã hội về chất lượng dịch vụ, trách nhiệm pháp lý, kỷ luật hành nghề đối với Luật sư ngày càng cao; với việc thực hiện cam kết gia nhập WTO, sự cạnh tranh trên thị trường dịch vụ pháp lý trong nước và quốc tế ngày càng gay gắt. Trong thời gian tới, đội ngũ Luật sư ở nước ta ngày càng đông đảo, lĩnh vực và phạm vi hành nghề tác động đến tất cả các quan hệ trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Tính chất hành nghề Luật sư, vì thế, cũng ngày càng trở nên phức tạp, đòi hỏi sớm khắc phục những bất cập, hạn chế, yếu kém về tổ chức và hoạt động Luật sư.

Bên cạnh những thành tựu, những đóng góp của đội ngũ Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự cũng phải nhìn nhận một thực tế rằng trong thời gian vừa qua có rất nhiều những phản ánh về sự yếu kém của một số ít Luật sư trong hoạt động nghề nghiệp. Có Luật sư đã vi phạm pháp luật nghiêm trọng, bị truy cứu trách nhiệm hình sự về những hành vi có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp Luật sư.

Thực tế nhiều Luật sư đã phản ánh rằng họ bị Cơ quan điều tra cản trở bất hợp pháp việc thực hiện các quyền năng của họ trong giai đoạn điều tra vụ án hình

sự. Việc cản trở này không những vi phạm pháp luật mà còn xâm hại đến quyền bào chữa tự do, dân chủ của công dân, quyền được bào chữa và thuê người bào chữa của người bị buộc tội. Điều này làm ảnh hưởng lớn đến uy tín của Luật sư và làm mất niềm tin của công dân vào tình nghiêm minh của pháp luật và công bằng pháp lý.

Thực tiễn cho thấy nhiều tầng lớp trong xã hội chưa nhìn nhận đúng vai trò và chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Vì vậy, Luật sư không nhận được sự ủng hộ của họ dẫn đến vai trò và chức năng của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án còn nhiều hạn chế. Sự hạn chế này ảnh hưởng đến mục tiêu chung của Đảng và Nhà nước ta là xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Bên cạnh đó là sự khẳng định địa vị pháp lý cũng như vai trò, chức năng của Luật sư trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng là vô cùng quan trọng. Bởi các lẽ đó mà cần thiết phải nâng cao chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

3.2 Các giải pháp bảo đảm chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

3.2.1 Các giải pháp về xây dựng pháp luật

Ngày 2/6/2005 Bộ chính trị đã ra nghị quyết số 49-NQ/TW về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”. Đảng ta đã đề ra cải cách tư pháp đó chính là mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền cùng với việc cải cách bộ máy Nhà nước, cải cách nền hành chính quốc gia. Hoàn thiện thể chế Nhà nước trong đó hoàn thiện thể chế Luật sư là một trong những nội dung chủ yếu của cải cách. Sứ mệnh của Luật sư là góp phần bảo vệ công lý, công bằng xã hội, phòng chống tội phạm. Để nâng cao chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự cần thiết phải thực hiện các giải pháp sau:

Một là, Phải hoàn thiện chế định về đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội. Điều 16 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định: “*Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa*”. Quyền bào chữa của người bị buộc tội gồm hai bộ phận không thể tách rời nhau, đó là “*quyền tự bào chữa*” và “*quyền nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa*”. Hai bộ phận này không

thể loại trừ nhau. Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa và cũng có cả quyền nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa. Bảo đảm quyền bào chữa của người buộc tội theo hướng mở rộng quyền bào chữa của người bị buộc tội đồng nghĩa với việc tạo điều kiện thuận lợi cho Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn đầu của tiến trình tố tụng. Việc cho phép Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn điều tra không chỉ mở rộng nguyên tắc dân chủ của tố tụng hình sự mà còn nâng cao chất lượng điều tra vụ án. Sự tham gia bào chữa của Luật sư góp phần thúc đẩy việc điều tra vụ án nhanh hơn, chính xác hơn, chân thật hơn. Vụ án càng nghiêm trọng và càng phức tạp thì càng cần có sự tham gia sớm hơn của Luật sư ở giai đoạn điều tra.

Hai là, Phải hoàn thiện về tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra. Theo quy định của pháp luật thì Luật sư được tham gia và thực hiện chức năng bào chữa từ giai đoạn điều tra vụ án nhưng trên thực tế việc các Luật sư được tham gia tố tụng từ giai đoạn này là rất ít hoặc chỉ mang tính hình thức, không có hiệu quả. Cần quy định rõ về trách nhiệm pháp lý đối với Điều tra viên khi có những hành vi cố tình gây cản trở cho Luật sư khi họ thực hiện quyền bào chữa cho thân chủ từ giai đoạn điều tra vụ án. Nhà nước phải quy định cụ thể hơn về trách nhiệm pháp lý cho Cơ quan điều tra để những Điều tra viên tôn trọng và đảm bảo để Luật sư thực hiện được các quyền và nghĩa vụ của mình trong giai đoạn điều tra theo quy định của pháp luật.

Ba là, Mức độ tham gia của người bào chữa bắt buộc trong các hoạt động điều tra. Hiện nay, Bộ luật tố tụng hình sự không quy định rõ về việc người bào chữa có bắt buộc phải tham sự tất cả các lần hỏi cung của Cơ quan điều tra hay không. Đối với các trường hợp Luật sư bào chữa theo chỉ định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì người bào chữa thường có mặt trong các buổi lấy lời khai, hỏi cung nhưng còn các trường hợp khác thì pháp luật nên quy định mức độ tối thiểu những hoạt động tố tụng cần có sự tham gia và có mặt của người bào chữa. Phương án tối ưu là người bào chữa cần tham gia vào tất cả các hoạt động tố tụng liên quan đến người bị buộc tội.

Bốn là, Phải có chương trình tổng thể để toàn xã hội nói chung và Cơ quan điều tra nói riêng nhận thức đúng đắn về chức năng bào chữa của Luật sư trong giai

đoạn điều tra vụ án hình sự. Luật sư thực hiện sứ mệnh của mình trong giai đoạn điều tra không chỉ với mục đích giúp đỡ thân chủ bào chữa cho hành vi bị tình nghi phạm tội của mình mà còn với mục đích xác định sự thật khách quan của vụ án. Thế nhưng, trong thực tế thì chức năng bào chữa của Luật sư không được xã hội và cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá cao. Một số Điều tra viên còn cho rằng nếu cho Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn điều tra thì sẽ tạo ra những khó khăn trong việc truy tìm, phát hiện tội phạm, không bảo đảm bí mật điều tra và lưu giữ bảo quản chứng cứ... Với quan niệm như vậy đối với Luật sư là trái với quy định của pháp luật và trái với chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta. Sự tham gia của Luật sư trong giai đoạn điều tra góp phần mở rộng dân chủ, nâng cao chất lượng điều tra, tăng cường pháp chế trong giai đoạn điều tra. Việc bào chữa kiên định, dũng cảm trong giai đoạn điều tra không những không cản trở hoạt động điều tra mà còn thúc đẩy công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, khắc phục những sai lầm trong việc xác định sự thật của vụ án. Phải có chương trình nghiêm túc, đồng bộ và có tính chiến lược, đầu tư bài bản, phải có sự đoàn kết ủng hộ của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân mới mong thay đổi được tư duy của toàn xã hội về một Nhà nước sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, nhận thức đúng đắn chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Năm là, Phải hoàn thiện pháp luật quy định về tổ chức và hoạt động của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Nghị quyết số 08 – NQ/TW của Bộ chính trị đã chỉ rõ: *“Pháp luật trong lĩnh vực tư pháp chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và còn nhiều sơ hở. Công tác xây dựng, giải thích, hướng dẫn và tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trong đó có pháp luật về lĩnh vực tư pháp còn nhiều bất cập và hạn chế”*. Vì vậy, cần phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp trong đó có các quy định về hoạt động của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án. Hoàn thiện pháp luật tố tụng theo hướng bảo đảm các thủ tục tố tụng dân chủ, tăng cường vai trò, chức năng của Luật sư nhằm thực thi nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng quyền con người trong tố tụng hình sự. Một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự còn mang tính hình thức hoặc còn mập mờ nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất.

Sáu là, Tại Điểm đ Khoản 1 Điều 4 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 giải thích: *“Người bị buộc tội gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo”*. Vậy, ngoài những người này thì người bị tạm giam, người bị tình nghi phạm tội nhưng chưa bị bắt, chưa bị khởi tố có phải là người bị buộc tội không? Bởi vì, người bị tạm giam cũng là đối tượng cần được Luật sư bào chữa để gỡ tội. Do đó, theo ý kiến của tác giả thì cần bổ sung thêm chủ thể là người bị buộc tội cần có Luật sư bào chữa bao gồm cả người bị tạm giam. Đó là: *“Người bị buộc tội gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam, bị can, bị cáo”*.

Bảy là, Cần quy định về quyền miễn trừ chịu trách nhiệm hình sự đối với Người bào chữa đối với các tội danh không tố giác tội phạm và che giấu tội phạm khi tham gia bào chữa trong vụ án hình sự. Đặc trưng của người làm nghề bào chữa là không được tiết lộ thông tin bí mật trong quá trình bào chữa. Bản phận của Luật sư là bảo vệ thân chủ. Nguyên tắc hành nghề Luật sư là làm những gì có lợi nhất cho khách hàng của mình mà pháp luật không cấm. Việc người bị buộc tội có quyền im lặng để bảo vệ mình thì Luật sư cũng có quyền và nghĩa vụ không tiết lộ thông tin gây bất lợi cho khách hàng. Việc làm này là đúng quy định của pháp luật nên không thể truy cứu trách nhiệm hình sự của người bào chữa. Trên thực tế, có rất nhiều trường hợp khách hàng không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin của sự việc bất lợi của mình với người bào chữa. Việc không cung cấp thông tin cho người bào chữa cũng đồng nghĩa với việc người bào chữa không biết rõ vụ việc, mà không biết rõ vụ việc thì không thể truy cứu trách nhiệm hình sự. Yếu tố quan trọng để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm là người đó phải “biết rõ”. Do đó tác giả cho rằng cần loại bỏ trách nhiệm hình sự của người bào chữa khi họ không tố giác hành vi phạm tội của thân chủ mình khi tham gia bào chữa trong vụ án hình sự. Tác giả đề nghị cân nhắc quy định theo hướng người bào chữa chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp không tố giác tội phạm và che giấu tội phạm đối với một số tội phạm cụ thể, đặc biệt nghiêm trọng như “Tội phản bội Tổ quốc”; “Tội gián điệp”; “Tội khủng bố chống chính quyền nhân dân”; “Tội bạo loạn”; “Tội phá hoại cơ sở vật chất kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Tám là, Tại Điều 72 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định về Người bào chữa thì cũng chỉ quy định “Người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa” và liệt kê những người nào được trở thành người bào chữa chứ cũng không có định nghĩa cụ thể. Theo tác giả Bộ luật tố tụng hình sự cần có định nghĩa về quyền bào chữa và nội hàm của quyền bào chữa làm cơ sở hình thành các chế định về người bào chữa và các thiết chế cần thiết bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội được thi hành trên thực tế.

Chín là, Khoản 3 Điều 72 Bộ luật quy định: “Bào chữa viên nhân dân là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức pháp lý, đủ sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức thành viên của Mặt trận cử tham gia bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình”. Theo quy định trên đây thì Bộ luật chưa quy định rõ là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp nào được cử bào chữa viên nhân dân và hình thức cử như thế nào. Vì vậy, cần sửa đổi để đảm bảo quyền được nhờ bào chữa viên nhân dân bào chữa của người bị buộc tội.

Mười là, Điều 73 Bộ luật tố tụng hình sự quy định quyền và nghĩa vụ của người bào chữa: Theo tác giả nên bổ sung thêm quyền của người bào chữa như sau: “Quyền được đăng ký bào chữa” vì đây là điều kiện cần thiết để người bào chữa tham gia vào hoạt động tố tụng hình sự để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật này. Điểm a, b khoản 1 đề nghị thay thế cụm từ “có mặt” thành “tham gia”.

Điểm a Khoản 1 Điều 73: “Người bào chữa có quyền gặp, hỏi người bị buộc tội”. Tuy nhiên, Bộ luật không quy định rõ là người bào chữa được gặp riêng người bị buộc tội hay gặp dưới sự giám sát của Cơ quan điều tra.

Điểm b Khoản 1 Điều 73 quy định: “Người bào chữa có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu người có thẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cung đồng ý thì được hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can.

Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can”. Có thể nói đây là một quy định “tùy nghi“, do vậy, khi áp dụng không thể tránh khỏi những trường hợp Điều tra viên lạm dụng quy định này mà không tạo điều kiện cho người bào chữa, Luật sư tham dự việc hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can. Quy định “... nếu người có thẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cung đồng ý...” e rằng không phù hợp. Bởi lẽ, vấn đề này hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí cá nhân của Điều tra viên, tức là nó phụ thuộc vào trình độ nhận thức của mỗi Điều tra viên. Do vậy, rất có thể cùng một sự việc nhưng Điều tra viên này thì đồng ý cho người bào chữa, Luật sư hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can còn Điều tra viên khác thì không đồng ý. Để nâng cao chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án thì cần quy định rõ là người có thẩm quyền chỉ được lấy lời khai, hỏi cung người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can khi có mặt của Luật sư bào chữa. Trong bất kỳ trường hợp lấy lời khai và bản cung nào nếu không có Luật sư tham gia để ký vào các bản cung thì các bản cung đó coi như vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không được coi là tài liệu, chứng cứ trong vụ án, cần phải hủy đi để làm lại một cách khách quan hơn. Vấn đề này tác giả đề nghị cần sửa đổi theo hướng: “Người bào chữa có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và được hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, nếu người có thẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cung không đồng ý thì phải ghi rõ lí do vào biên bản. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can. Nếu biên bản lấy lời khai hoặc biên bản hỏi cung của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can không có chữ ký của người bào chữa thì biên bản lấy lời khai đó hoặc biên bản hỏi cung đó không có hiệu lực pháp luật”.

Mười một là, Điểm 1 Khoản 1 Điều 73 Bộ luật tố tụng hình sự cũng quy định: “Người bào chữa có quyền đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa từ khi kết thúc điều tra”. Do vậy, có thể cho người bào chữa đọc hồ sơ từng phần hoặc toàn bộ để họ có thể đưa ra ý kiến bổ sung hồ sơ, giúp Điều tra viên làm sáng tỏ các tình tiết của đối tượng chứng minh trong vụ án được nhanh chóng và khách quan. Nếu trong quá trình tham gia các hoạt động

điều tra hoặc đọc hồ sơ mà họ làm lộ bí mật điều tra thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Theo tác giả quy định này chưa phù hợp và có phần nào mâu thuẫn với Điều 74 Bộ luật tố tụng hình sự. Theo Điều 74 thì “Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trường hợp bắt, tạm giữ người thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ”.

Mười hai là, Điều 76 Bộ luật tố tụng ghi rõ: “Trong các trường hợp sau đây nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ: Bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình”. Theo tác giả nên sửa thành: “Trong các trường hợp sau đây nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ: Bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt mức cao nhất là 15 năm trở lên, hình phạt tù chung thân, tử hình”.

Mười ba là, Điều 78 Bộ luật tố tụng hình sự ghi: Khi đăng ký bào chữa, người bào chữa phải xuất trình các giấy tờ:

- a) Luật sư xuất trình Thẻ Luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và giấy yêu cầu Luật sư của người bị buộc tội hoặc của người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội;
- b) Người đại diện của người bị buộc tội xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và giấy tờ có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về mối quan hệ của họ với người bị buộc tội;
- c) Bào chữa viên nhân dân xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử bào chữa viên nhân dân của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận;

d) Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý xuất trình văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Thẻ Luật sư kèm theo bản sao có chứng thực”

Khoản 4 Điều 78: “Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận đủ giấy tờ quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kiểm tra giấy tờ và thấy không thuộc trường hợp từ chối việc đăng ký bào chữa quy định tại khoản 5 Điều này thì vào sổ đăng ký bào chữa, gửi ngay văn bản thông báo người bào chữa cho người đăng ký bào chữa, cơ sở giam giữ và lưu giấy tờ liên quan đến việc đăng ký bào chữa vào hồ sơ vụ án; nếu xét thấy không đủ điều kiện thì từ chối việc đăng ký bào chữa và phải nêu rõ lý do bằng văn bản”.

Theo tác giả, về các giấy tờ yêu cầu cần có của người bào chữa thì nên bỏ quy định bản sao có chứng thực mà chỉ cần bản pho to. Về thời gian chấp thuận đăng ký bào chữa: Tác giả đề nghị là phải cấp ngay nếu không cấp ngay thì thời gian nên rút ngắn dưới 24 giờ.

Mười bốn là, Về việc gặp người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam thì Điều 80 có quy định: “ 1. Để gặp người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam, người bào chữa phải xuất trình văn bản thông báo người bào chữa, Thẻ Luật sư hoặc Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân.

2. Cơ quan quản lý người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam phải phổ biến nội quy, quy chế của cơ sở giam giữ và yêu cầu người bào chữa chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp phát hiện người bào chữa vi phạm quy định về việc gặp thì phải dừng ngay việc gặp và lập biên bản, báo cáo người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật”.

Để đảm bảo quyền bào chữa và quyền con người trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn điều tra vụ án nói riêng thì theo tác giả cần bổ sung vào khoản 1 điều này nội dung: “*thời gian gặp không hạn chế và có quyền gặp riêng người bị buộc tội”.*

3.2.2 Các giải pháp khác

- Giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức nghề nghiệp cho Luật sư

Thông qua việc giáo dục chính trị tư tưởng đạo đức nghề nghiệp sẽ giúp cho Luật sư nhận thức được một cách đầy đủ chức năng, vai trò, trách nhiệm của Luật sư trong quá trình đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ trật tự pháp luật, xây dựng nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, uốn nắn nhận thức lệch lạc về nghề của mình coi hành nghề Luật sư chỉ đơn thuần là phương tiện kiếm sống như những nghề nghiệp khác trong xã hội để từ đó đặt lợi ích kinh tế của cá nhân mình lên trên hết và từ đó “kiếm tiền bằng mọi giá” vi phạm nghiêm trọng đạo đức nghề nghiệp. Thông qua giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, tổ chức xã hội – nghề nghiệp của Luật sư sẽ giúp cho Luật sư xác định được phương châm hành động của mình trên cơ sở ý thức được trách nhiệm của Luật sư trong quá trình đấu tranh bảo vệ công lý vì sự công bằng của xã hội.

- Quản lý đội ngũ Luật sư của mình

Chúng ta biết rằng hành nghề Luật sư là một nghề tự do, mang tính độc lập rất cao đối với Luật sư. Do đó, công tác quản lý ở đây cần được tiến hành trên tinh thần một mặt tôn trọng tính độc lập và bảo đảm tự do hành nghề của Luật sư, mặt khác phát huy được chức năng quản lý của tổ chức xã hội – nghề nghiệp của Luật sư.

Thực tế vừa qua cho thấy, nhiều Luật sư trong quá trình tham gia tố tụng hình sự đã có những thái độ, hành động tiêu cực như bảo vệ quyền lợi của thân chủ một cách vô nguyên tắc, làm người trung gian “chạy án”, thậm chí – theo dư luận xã hội – có những Luật sư chỉ giới môi giới, chạy án. Một số khác, trong khi phản biện, tranh tụng tại tòa có thái độ “cãi lầy được”, một số khác lại có thái độ thiếu tôn trọng đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử, nói cách khác là một số Luật sư thiếu ý thức văn hóa pháp đình. Tất cả tình trạng đó sẽ hạn chế được rất nhiều nếu Đoàn Luật sư kịp thời phát hiện uốn nắn và đối với một số trường hợp nếu Luật sư vi phạm nghiêm trọng đạo đức nghề nghiệp làm tổn hại nghiêm trọng đến uy tín của giới Luật sư phải xử lý nghiêm minh.

Từ cách đặt vấn đề đó, đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa trách nhiệm của tổ chức xã hội – nghề nghiệp của Luật sư – Liên đoàn Luật sư, Đoàn Luật sư có cơ chế giám sát, kiểm tra hoạt động hành nghề của Luật sư một cách thường xuyên.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa tổ chức xã hội – nghề nghiệp của Luật sư với cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan tiến hành tố tụng và các tổ chức khác nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với Luật sư

Việc xây dựng quy chế phối hợp trên đây là một trong những giải pháp cơ bản vừa bảo đảm cho Luật sư tham gia tố tụng được thuận lợi, phát huy được vai trò, trách nhiệm của Luật sư trong việc bảo vệ quyền lợi của thân chủ và bảo vệ trật tự pháp luật, đồng thời tạo nên sự đồng bộ, thống nhất trong việc quản lý hoạt động hành nghề Luật sư. Việc xây dựng quy chế phối hợp trên đây sẽ tạo nên sự đồng thuận giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với tổ chức xã hội – nghề nghiệp của Luật sư và qua đó giúp tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc giữa Luật sư và các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng – cả về quan điểm nhận thức nội dung vụ việc, cả về thủ tục pháp lý – tạo điều kiện thuận lợi cho Luật sư trong quá trình tham gia tố tụng. Thông qua xây dựng cơ chế phối hợp đó sẽ giúp cho vai trò vị trí của Luật sư trong xã hội được phát huy và củng cố thêm và coi đây như là một giải pháp của việc huy động nguồn lực xã hội vào quá trình xây dựng và phát triển đội ngũ Luật sư, đáp ứng yêu cầu của quá trình xây dựng nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, hướng tới xây dựng nhà nước pháp quyền của chúng ta.

- Phải tuyên truyền và phổ biến pháp luật cho nhân dân

Để công tác giáo dục, phổ biến, tuyên truyền pháp luật có hiệu quả thì chúng ta phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đi theo chiều sâu. Nội dung tuyên truyền, phổ biến phải thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp từng đối tượng và tập trung về vùng nông thôn, miền núi, nơi mà người dân còn hạn chế về nhận thức pháp luật, dễ nảy sinh những mâu thuẫn, phức tạp về tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và hoà mình vào dòng chảy toàn cầu hoá, pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật về Luật sư nói riêng đã không ngừng hoàn thiện, sửa đổi bổ sung để tạo cơ sở pháp lý cho việc

phát triển đội ngũ Luật sư và nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ Luật sư. Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đặt ra yêu cầu cấp bách là đất nước cần có một đội ngũ Luật sư đạo đức và tài năng. Nghĩ về nghề Luật sư hôm nay, chúng ta thấy nổi lên hai vấn đề chính đó là vấn đề đạo đức nghề nghiệp và vấn đề nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của Luật sư

Kết luận chương 3

Quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự về quyền bào chữa của người bị buộc tội trong giai đoạn điều tra vướn hình sự là khá rộng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các quyền này đã nảy sinh nhiều vấn đề cần tiếp tục phải hoàn thiện các quy định của pháp luật.

Để tăng cường pháp chế và đảm bảo tính khách quan của vụ án hình sự đặc biệt nâng cao hiệu quả chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vướn hình sự thì các quy định về quyền của người bào chữa - Luật sư trong giai đoạn điều tra cần được nghiên cứu và quy định một cách toàn diện hơn nữa. Hoàn thiện pháp luật và đặc biệt là vấn đề bảo đảm quyền con người luôn được đặt ở vị trí tiên phong. Tác giả cho rằng việc nghiên cứu, sửa đổi bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự theo hướng mở rộng thêm các quyền cho người bào chữa - đặc biệt là chức năng bào chữa của Luật sư trong khi tham gia tố tụng nói chung và trong giai đoạn điều tra nói riêng là cần thiết để đảm bảo tốt cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội trong vụ án hình sự.

KẾT LUẬN

Quyền bào chữa từ giai đoạn điều tra là quyền Hiến định theo pháp luật Việt Nam và phù hợp với nguyên tắc quốc tế về bào chữa. Hoạt động của Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn này là hoạt động bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tình nghi là tội phạm ngay từ nhận định ban đầu của Cơ quan điều tra khi có vụ án xảy ra. Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn điều tra góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa nên hoạt động của Luật sư trong giai đoạn này là hết sức quan trọng và cần thiết.

Chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự có vai trò vô cùng to lớn trong việc bảo vệ quyền con người. Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động của Luật sư trong giai đoạn điều tra còn gặp quá nhiều khó khăn, vướng mắc cũng như những quy định về quyền bào chữa của Luật sư tham gia giai đoạn điều tra vụ án hình sự còn tồn tại nhiều hạn chế cần được khắc phục trong thời gian sớm nhất.

Nghiên cứu đề tài *“Chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội”* là một đề tài mang tính mới và tương đối khó về mặt thực tiễn. Với mức độ nghiên cứu và khả năng ở luận văn thạc sỹ luật học, tác giả đã nghiên cứu một cách nghiêm túc. Qua công tác nghiên cứu, luận văn đã giải quyết được ba vấn đề đó là về lý luận, thực tiễn và các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động về chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Trong quá trình nghiên cứu để thực hiện đề tài, việc thu thập cụ thể các số liệu về người bào chữa - Luật sư tham gia giai đoạn điều tra vụ án hình sự gặp rất nhiều khó khăn bởi dữ liệu về các vụ án có Luật sư tham gia bào chữa từ giai đoạn điều tra là rất ít, chỉ được đoàn Luật sư thành phố Hà Nội báo cáo chung chung, không được Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thống kê, báo cáo. Chính vì vậy, việc thu thập dữ liệu cũng như nghiên cứu tình hình thực hiện chức năng bào chữa của Luật sư tham gia giai đoạn điều tra vụ án hình sự gặp rất nhiều trở ngại. Do đó, tác giả đã dùng số liệu từ nguồn các báo cáo tổng kết năm của Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm, Văn phòng Cơ quan cảnh sát Điều tra - Bộ công an, báo cáo

của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, báo cáo của Liên đoàn Luật sư Việt Nam... Những số liệu này chỉ mang tính chất tương đối thể hiện được phần nào sự có mặt của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội.

Thực tiễn cho thấy, chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trong những năm qua còn nhiều hạn chế. Chức năng bào chữa của người bào chữa nói chung và của Luật sư nói riêng chưa mang lại hiệu quả cao. Hạn chế này do chính từ phía các Luật sư bào chữa và/hoặc từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng và/hoặc cũng có thể từ những quy định còn chưa chặt chẽ của pháp luật.

Hiện nay, chức năng bào chữa của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự chưa được thể hiện tối đa và chưa được tận dụng hết lợi thế của bên gỡ tội. Vì vậy, trên cơ sở nghiên cứu, nắm bắt từ thực tiễn nên tác giả mạnh dạn đưa ra những giải pháp, kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng 2015.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp trung ương (2016), Báo cáo tổng kết năm 2016 thực hiện nghị quyết số 49/NQ-TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến 2010 định hướng 2020, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Hà Nội.
4. Bộ Công an (2011), Thông tư số 70/2011/TT-BCA ngày 10/10/2011 của Bộ Công an hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.
5. Bộ Công an (2014), Thông tư số 28/2014/TT-BCA ngày 07/7/2014 của Bộ Công an quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân.
6. Bộ Tư pháp (2012), Báo cáo số 46/BC-BTP ngày 06/3/2012 về tổng kết 5 năm thi hành Luật luật sư, Hà Nội.
7. Cục Cảnh sát điều tra, Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an (2014), “Thực trạng tình hình và những giải pháp nhằm hạn chế oan, sai trong công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm ở Công an cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh”, Đề tài cấp Bộ, Hà Nội.
8. Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (2015), Báo cáo tổng kết 30 năm xây dựng và phát triển của Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, nhiệm vụ trọng tâm của Đoàn luật sư thành phố Hà Nội trong giai đoạn 2015-2018, Hà Nội.
9. Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (2016), Báo cáo tổng kết hàng năm - năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, Hà Nội.
10. Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (2016), Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ đến năm 2016, Hà Nội.
11. Lê Minh Đức (2016), “Phát huy vai trò của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự”, Tạp chí Luật sư Việt Nam, dẫn

theo <http://liendoanluatsu.org.vn/web/phat-huy-vai-tro-cua-luat-su-trong-giai-doan-dieu-tra-vu-an-hinh-su-773.html>, truy cập ngày 19/07/2016.

12. Phạm Hồng Hải (2004), “Những điểm mới về trách nhiệm, nghĩa vụ của người bào chữa trong bộ luật tố tụng hình sự năm 2003”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 5, tr.12-15.
13. Phạm Hồng Hải (2008), “Vụ án vườn điều từ những góc nhìn”, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
14. Phạm Hồng Hải, Phó Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam (2012), “Bàn về sự tham gia của người bào chữa trong giai đoạn điều tra”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 3, tr.12-17.
15. Xuân Hoa (2016), VnExpress, (2016), “Cụ ông 80 tuổi mang án giết người hơn 40 năm được minh oan”, xem <http://vnexpress.net/tin-tuc/phap-luat/cu-ong-80-tuoi-mang-an-giet-nguoi-hon-40-nam-duoc-minh-oan-3450088.html> , truy cập ngày 10/8/2016.
16. Phan Trung Hoài (2004), Hoàn thiện các quy định của pháp luật về sự tham gia của Luật sư từ giai đoạn điều tra và quyết định truy tố, Tạp chí Kiểm sát, số 7, tr.12-19.
17. Phan Trung Hoài (2007), “Vấn đề hoàn thiện pháp luật về luật sư ở Việt Nam”, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Phan Trung Hoài (2009), Hành nghề luật sư trong vụ án hình sự, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
19. Phan Trung Hoài (2013), “Một giấy bào chữa xuyên suốt tố tụng”; Báo luậtnet.Mạng pháp luật Việt Nam ngày 03/8/2013 (www.phapluattttp.vn), Hà Nội.
20. Nguyễn Viết Hoạt (2007), “Bản chất của hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự”, Tạp chí Khoa học pháp luật số 3(40)/2007, tr.10-15.
21. Học viện Tư pháp (2011), Giáo trình kỹ năng giải quyết vụ án hình sự, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

22. Phạm Quang Huy (2015), “Tổ tụng tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ở Việt Nam, Hoa Kỳ và một số kiến nghị đối với Bộ luật Tổ tụng hình sự (sửa đổi)”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 16 (296), kỳ 2 tháng 8/2015, tr.52-61.
23. Vũ Huy Khánh (2013), Luận án tiến sĩ đề tài: “Bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can trong điều tra vụ án hình sự”, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Nguyễn Đăng Khoa (2008), Luận văn thạc sĩ đề tài: “Vai trò của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự”, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Nguyễn Văn Kiệp (Lâm Phương) (1998), “Hồi ức Điều tra viên”, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội.
26. Bùi Phương Lan (2015), Luận văn thạc sĩ đề tài: “Vai trò của người bào chữa trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội”, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
27. Liên đoàn luật sư Việt Nam (2012), Báo cáo tổng kết 5 năm thi hành Luật luật sư ngày 06/3/2012, Hà Nội.
28. Liên đoàn luật sư Việt Nam (2012), Tài liệu hội thảo tổng kết đánh giá kết quả thi hành Thông tư 70/2011/TT-BCA của Bộ Công an quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân, Hà Nội.
29. Liên đoàn luật sư Việt Nam (2014), Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2009 - 2014, Hà Nội.
30. Liên đoàn Luật sư Việt Nam (2015), Báo cáo số 01/2015/BC-BVQLLS ngày 18/01/2015 về kết quả làm việc với các cơ quan có thẩm quyền của thành phố Tuy Hòa và tỉnh Phú Yên liên quan việc kiến nghị xử lý vi phạm của luật sư Võ An Đôn và ý kiến về kế hoạch thanh tra của Sở Tư pháp đối với hoạt động VPLS Võ An Đôn (Đoàn luật sư Tỉnh Phú Yên).
31. Liên đoàn luật sư Việt Nam (2016), Báo cáo nhiệm kỳ đến năm 2016, Hà Nội.
32. Luật sư Việt Nam (2013), “Triển vọng và thách thức”, Thông tấn xã Việt Nam, Hà Nội.
33. Trần Đình Nhã (1995), Về tổ chức Cơ quan điều tra, Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.

34. Nghĩa Nhân (2013), “Luật sư bị làm khó... chuyện bình thường”; báo luatnet.mang.phap.luat.vietnam ngày 10/7/2013; www.phapluattp.vn
35. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (1999), Từ điển luật học, Hà Nội.
36. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2001), Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988, Hà Nội.
37. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2002), Bộ luật hình sự năm 1999, Hà Nội.
38. Nhà xuất bản Dân trí (2016), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hà Nội
39. Nhà xuất bản Đại học quốc gia, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội (2001), Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam, Hà Nội.
40. Nhà xuất bản Lao động xã hội (2014), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 1946 -1959 - 1980 - 1992 - 2013, Hà Nội.
41. Nhà xuất bản Tư pháp (2004), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Hà Nội.
42. Nguyễn Thái Phúc (2007), “Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong tố tụng hình sự”, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 4, tr.21-26.
43. Hoàng Thị Sơn (2000), “Về khái niệm quyền bào chữa và việc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo”, Tạp chí Luật học, số 05, tr.13-17.
44. Hoàng Thị Minh Sơn (2009), “Những hạn chế trong việc thực hiện quyền bào chữa của người vị tạm giữ, bị can, bị cáo”, Tạp chí Luật học, số 10, tr.12-17.
45. Duy Thanh - M.Quang (2014), “Chủ tịch nước yêu cầu xử nghiêm vụ “dùng nhục hình””, Báo tuổi trẻ ngày 10/04/2014.
46. Tòa án nhân dân tối cao (2011), Báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác của các Tòa án nhiệm kỳ 2007 - 2011, Hà Nội.
47. Tòa án nhân dân tối cao (2012), Báo cáo công tác nhiệm kỳ 2007 - 2012, Hà Nội.
48. Tòa án nhân dân tối cao (2016), Báo cáo công tác nhiệm kỳ đến năm 2016, Hà Nội.
49. Tòa án nhân dân tối cao (2016), Báo cáo tổng kết năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016.
50. Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm (2016), Báo cáo về tình hình công tác phòng chống tội phạm năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, Hà Nội.

51. Đặng Trung - Chân Luận (2015), Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh 12/01/2015, Án oan sai ngày càng gia tăng và phức tạp, <http://plo.vn/thoi-su/an-oan-sai-ngay-cang-gia-tang-va-phuc-tap-523766.html> , truy cập ngày 10/8/2016.
52. Nguyễn Văn Tuấn (2006), “Hoàn thiện thể chế luật sư trong điều kiện cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 8, tr.1-6.
53. Đào Tuấn (2015), “Thấy gì qua cái kết vụ đòi “trăm” luật sư Đôn?”, Báo Lao động, ngày 24/01/2015.
54. Tuyên ngôn độc lập của Mỹ 1776
55. Phạm Thị Hồng Vân (2014), Luận văn thạc sĩ đề tài: “Vai trò của luật sư trong việc bảo vệ quyền con người theo pháp luật tổ tụng hình sự Việt Nam”, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
56. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2016), Báo cáo tổng kết công tác năm 2012, 2013, 2014, 2015 và 2016, Hà Nội.
57. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), Báo cáo tổng kết của ngành Kiểm sát nhân dân những năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016.
58. Võ Khánh Vinh (2015), Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
59. Võ Khánh Vinh (2014), Quyền con người, Học viện Khoa học xã hội, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
60. VRNs, <http://thanhnienconggiao.blogspot.com/>. Luật sư đề nghị sửa đổi Thông tư 70/2011/TT – BCA
61. Trong bộ phim “Wall Street: Money Never Sleep”, Jacob Moore (do Shia LaBeouf đóng) được Louis Zabel (Frank Langella) trả lời về sự sụp đổ của các ngân hàng đầu tư (khủng hoảng tài chính 2008) rằng: “Câu hỏi đúng là ai sẽ không sụp đổ?”